

80
INDO-CHINOIS
1260

214
H CHOI

CANH - NGO

XUÂN

MỤC-LỤC

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 1260

- | | |
|------------------------------------|--------------------------|
| I. — Mừng-xuân | Khách chơi Xuân |
| II. — Hát-nói | Thạch-Băng |
| III. — Tiến-sĩ giấy | Thạch-Băng |
| IV. — Giết người làm quảng-cáo | C. X. |
| V. — Sóng vì nước | Trần-trung-Viên |
| VI. — Thúy-Kiều, Thúy-Vân | Thạch-Băng |
| VII. — Gỗ biết nói | C. X. |
| VIII. — Bỏ-nhìn — Nghiện nha-phiến | Thạch-Băng |
| IX. — Tỳ-bà sự-tích | Cử-nhân Lê-mạnh-Phan |
| X. — Hà-tiên bút-ngâm | Cử-nhân Lê-mạnh-Phan |
| XI. — Cô đầu ru quan-viên | Thạch-Băng |
| XII. — Thủy-tiên — Hát-diên | Trần-trung-Viên |
| XIII. — Cái chơi mất nước | C. X. |
| XIV. — Ai muốn chóng. . . ? | Trần-trung-Viên |
| XV. — Hai bà Trưng | Thạch-Băng |
| XVI. — Chừa nha-phiến phú | Thạch-Băng |
| XVII. — Việt-sử văn-đáp | Tú-tài Nguyễn-thúc-Khiêm |
| XVIII. — Tú Suất chơi ngông | Nguyễn-nam-Thông |
| XIX. — Truyện xuân (hài-kịch) | Nguyễn-hữu-Kim |
| XX. — Đông tây gặp nhau | Hoàng-tích-Chu |

80 Indoch
1260
NAM-KY THƯ-QUÁN

XUẤT-BẢN
Giá 0\$20



Ngài là một bậc đệ nhất anh-hùng cứu-quốc của nước Việt-Nam ta về đời Hùng-Vương thứ sáu, không những ngài đánh đuổi giặc **Ân** ra khỏi bờ cõi, sau Ngài dẹp vua **Lê-Thái-Tổ** bình giặc Ngô, vua **Lê-Dại-Hành** đuổi giặc Tống v.v. Linh-anh thay khí phách đứng anh-hùng lúc sống trừ nạn nước, lúc thác cũng vì nước đuổi quân thù, tiếng thơm còn phảng phất với non sông, quốc dân ta còn nhớ ơn ngài cũng nên biết rõ sự-tích ngài. **Xã-hội từng-san** biên tập **Nam-Ký Thư-Quán** xuất-bản. Giá bán 0\$25

Có bán khắp các hàng sách trong nước.

MỪNG XUÂN CANH NGŨ



Hết kỷ-ty đến năm Canh-ngũ,
Mỗi một năm là một độ xuân sang.
Khách chơi xuân nô-nức đón xuân-quang.
Mừng xuân tới, cái oanh vàng đương thỏ-thể.
Non-nước ấy, bốn nghìn năm đã cò lẻ,
Cây-cỏ này, trăm vạn vẻ chực đua tươi.
Gặp ngày xuân ta hãy cứ vui cười,
Kho vô-tận phá mà chơi cho thỏa-thích.
Rượu dấm chén Lưu-Linh. thơ mấy câu Lý-Bạch,
Chuyện bề-giâu phó quách mặc Hồng-quân.
Còn ngày xuân còn lắm khách chơi xuân,
Mừng xuân-nhật hát câu xuân: « Xuân bất tận ».
Tiếng pháo nổ, mùi hương đưa từng trận,
Kìa giang-sơn phong-vận khác năm xưa;
Hỏi xuân: « Xuân đến bao giờ ? »

Khách chơi xuân

CUNG CHÚC TÂN HY

NAM-KÝ THƯ-QUÁN

Tonkin

Hanoi

*Depôt légal effectué en conformité
des dispositions de l'article
Jus du 1881. Chiffre d'ordre
à la bibliothèque*



46 an 1881-1930

— 2 —

Hát thờ đức Đồng-thiên-Vương

(Hát nói)

Xoay trời đất dẹp cơn gió bụi,
Tuổi lên ba gánh-vác nổi sơn-hà ;
Ngọn hỏa-quang bay khắp gần-xa,
Gót ngựa sắt xông-pha nơi chiến-địa.
Một trận quân Ân kinh mắt vía,
Triệu dân nước Việt mới yên-tâm ;
Lũy tre tung như sét đánh ầm-ầm,
Yên sóng-gió, ngàn tầm bay ngựa tểch.
Mặt đất nước-non không sợ lệch,
Đường trời mây-chớp ruổi đi mau ;
Núi Vệ-linh còn di-tích thơm lâu,
Để lưu lại nghìn thu gương ái-quốc :
« Thiên-thư định » Nam-bang từ trước,
Vận hanh-thông nhờ võ-lược mới nên.
Non-sông vẫn nhớ thần-tiên.

Thạch-băng

Đền Trung-liệt

Non-sông trước có khác ngày nay,
Chính-khi nghìn thu vẫn ở đây.
Tiết-liệt treo gương soi bóng nguyệt,
Cương-thường dựng cột ngất từng mây.
Vài đàn chim đậu nghe hay hót,
Mấy gốc tùng xưa đứng chẳng lay.
Dù có bao giờ dâu với bể,
Lở-long nền ấy, bảo nhau xây.

Thạch-băng

Ông tiến sĩ giấy

I

Chẳng học mà thi đỗ đại-khoa,
Vài con ngựa nhỏ, một mâm quà.
Bé người kén vợ không ai lấy,
Ngồi suốt đêm thu ngấm bóng nga.

II

Năm, năm, tháng tám mở ân-khoa,
Một loạt ông nghề mới đồ ra.
Danh-giá làm bằng manh giấy vụn;
Cân-đai còn thiếu cái bài-ngà.
Say-sưa yến-tiệc khi trăng tỏ,
Đón-rước vinh-qui buổi ác tà.
Cũng chẳng làm quan, không phản-đối,
Đêm thu lại ngấm ả Hằng-nga.

Thạch-băng

Đau mắt

Chán mùi thế-vị phải ăn khem,
Che khuất trần-ai rủ bức rèm.
Đầy hũ rượu ngon không tưởng uống,
Kề thêm hoa thắm chẳng buồn xem.
Văn-chương cũ mới, trông nhòe-nhệt,
Non-nước gần, xa, thấy nhập-nhèm.
Thẹn với gương soi sa giọt lệ,
Thương người đồng-bệnh nghĩ càng thêm. . .

Thạch-băng

GIẾT NGƯỜI ĐỂ LÀM QUẢNG-CÁO

Ở Mỹ, nhà viết sách kia mới xuất-bản được một quyển tiểu-thuyết. Nhưng sách của tác-giả không biết có phải vì giết hay sao mà bán không chạy.

Tác-giả không muốn đăng Quảng-cáo, vì đăng Quảng-cáo vào báo-chương, tác-giả cho là một việc thường, không lấy làm lạ.

Tác-giả định làm lối thực lạ, để ai cũng phải quan-tâm đến mình, mà đọc sách của mình! Lạ thế nào? . . .

— Tác-giả giết một người Huê-Kiêu!

Đến ngày xử án, tác-giả ung-dung khai rằng: « Tôi sở-rĩ giết người, là muốn ai cũng đăng biết tên thủ-phạm để mua sách của thủ-phạm ».

Mua sách hay không, kẻ viết chuyện này không được rõ; nhưng được rõ rằng tác-giả phải tội tử-hình!

Lạ thật! Viết sách rồi giết người mà làm lời rao!

Ở nước mình, các nhà làm sách bạo như thế thì ít; nhưng sách như sách của tác-giả Mỹ kia, thì e có lẽ nhiều!

Nhưng tiếc thay! Phần đông họ không dùng lối « giết người mà làm quảng-cáo » đăng có khép hết vào tội tử-hình, thì họa may sách-vở nhảm-nhi mới khỏi thò mặt ra đời.

SÁCH NÊN ĐỌC

Trung-ngoại danh-nhân Hào-Kiệt-sử

Quyển đầu

ĐỨC-THÁNH-GIÓNG 0\$25

Lịch-sử tiểu-thuyết

THỜI-HÀI

Sống về nước

Hai bác hàn-nho ngồi chơi với nhau, đàm-luận cổ kim. Trên mái nhà danh thì mưa sa lộp-bộp. Một bác nói:

— « Nghĩ ngày xưa, ông Nhan-Hồi đan biều lậu hạng mà vẫn vui, không oán-giận gì. Đến nay, cái thân mình, chẳng lấy đâu được như các bậc thánh ấy, nhưng mà mình sinh ra lỗi thời thế này, nghĩ cũng cực. Tôi, mấy hôm nay gạo hết, tiền hết, mẹ cháu lại đi xa chưa về, cả ngày chỉ uống nước trừ cơm, chẳng lẽ lại khóc, đành cứ bắt chước lối ông Nhan-Hồi, « lạc tại kỳ trung ».

Bác kia cũng gật-gù nói: « ấy cảnh tôi cũng thế luôn. Có một điều lạ, là tôi đã có bận nhin đến bốn hôm không ăn cơm mà vẫn không việc gì, duy nhin nước một buổi là không sao chịu được. Thế mới biết, người ta sống về « Nước » chứ không cần sống về cơm.

Trần-Trung-Viên

Thúy-Kiều

Vinh, nhục, sầu, vui, đủ mọi đường,
Phẩm tiên mấy độ bén tay thường!
Gương trinh then bóng đau người ngọc,
Chữ hiếu mang cân nặng túi vàng.
Từ-Hải nghe lời, thành cũng đổ,
Kim-lang chấp mối, chỉ còn vương.
Tài-tình chi để trời xanh ghét,
Khéo buộc vào cho số đoạn-trường.

Thạch-băng

— 6 —

Thúy-Vân

Cầm bức tờ mây, mở lại xem,
Vi đâu duyên chị buộc vào em?
Sấn sân ngọc-bội vui đôi lứa,
Giữ cái kim-thoa vững một niềm.
Dạo phím tơ này, nghe lại tưởng...
Đốt lò hương ấy, nghĩ càng thêm...
Bao nhiêu chữ hiểu, Kiều mang nặng,
Đỡ lấy tình cho được ấm-êm.

Thạch-băng

Chơi núi Hoàng-xá

Hỏi thăm hoàng-thạch lạ hay quen?
Chim đón hoa mừng, nhủ khách lên.
Gió mở then mây hai cửa động,
Nước lồng gương nguyệt một hồ sen ;
Thợ trời khéo vẽ tranh sơn-thủy,
Mặt đất xây nên cảnh phật-tiên.
Rửa sạch trần-ai ròng suối biếc,
Mộng trăm-năm tỉnh, tiếng chuông rền.

Thạch-băng

ĐANG IN

Trung-ngoại danh-nhân Hào-Kiệt-sử

LÊ-NGUYỄN-HỒNG Lịch-sử

Kim-Giang dịch

GỖ BIẾT NÓI

Ngày nọ, nhà thám-hiểm Đơ-xanh-bôn-li-A (De Saint Pol Lias) qua xứ Ca-phơ-rơ-ri (Cafererie), gặp một bọn thổ-nhơn đem một người mọi đen chém, vì người mọi đen có phép-thuật làm cho gỗ biết nói.

Nhà thám-hiểm liền hỏi: « Có thiệt vậy không? Hãy làm cho tôi xem thử. »

Người mọi đen bèn lấy cây gậy của nhà thám-hiểm, vừa vuốt vừa nói lảm-bầm một lúc, rồi đưa lại mà rằng:

— « Bây giờ ông cứ cầm cây gậy đó xuống đất; muốn hỏi gì, nó đều trả lời được cả. »

Nhà thám-hiểm đợi bọn ấy đi khỏi, một mình đến giữa sa-mạc, lựa một chỗ vắng-vẻ, làm theo người mọi dặn, rồi hỏi chừng nào chiếc tàu tên là X đến? Bỗng nghe tiếng văng-vẳng nói đúng giờ ấy. . . ngày ấy. . . tàu đó sẽ đến và có người bạn đó trên tàu. Khi nhà thám-hiểm hỏi qua việc khác, thì cây gậy không trả lời nữa. Một lúc, thì được tin người mọi đen đã bị hành-hình.

Sau nghiệm lại, những điều của cây gậy nói đều đúng.

Nhà hí-thuật-học nước Pháp là Ra-gô (Jagot) đoán rằng: có lẽ người mọi đen đó biết phép-thuật đem hết tinh-thần của mình vào cây gậy, theo nhà thám-hiểm để trả lời; còn xác thịt thì đi với bọn thổ-nhơn ra chốn pháp trường. Tuy vậy, tinh-thần vẫn lấy xác thịt làm cơ-sở, nên khi xác chết, thì cây gậy hết trả lời.

C. X.

SÁCH MỚI !

NHỊ-ĐỘ-MAI TIÊU-THUYẾT

Trọn bộ 0\$60

KIM-GIANG

Nguyễn-văn-Bàn dịch

Thăng bồ-nhìn

I

Bằng nay bốn bề vẫn không nhà,
Dưới đất, trên giời, giữa có ta.
Một ngọn cờ bay cầm thăng chỉ,
Mấy đàn mỗ-khoét lánh cho xa.
Ân cao đảm-thăm cơn mưa-móc,
Bồng-lộc đầy khê tháng quả-hoa.
Những lúc vân-lôi tài mới tỏ,
Liều gan đứng vững với sơn-hà.

II

Em thấy anh ra giúp việc nhà,
Hình-dung ăn-mặc khác người ta.
Xua chim bay chán, cho chim đậu,
Trông cảnh gần, thôi ngắm cảnh xa.
Tai điếc không kinh cơn sấm-sét,
Gan lì chẳng nói chuyện trăng-hoa.
Điên-viên vui-thú quên ngày tháng,
Sẵn của nhiều như nước đại-hà.

Thạch-băng

Nghien nha-phiền

1. — Hương-lửa lâu nay đã bén duyên,
Biết mùi trước lạ, hóa sau quen.
Bạn-bè quẩn-quít ba đồng nhựt,
Công-việc xoay quanh một ngọn đèn.
Chuyện suốt năm canh nghe vẫn tỉnh,
Vắng nhau nửa bữa nhớ bằng điên.
Thanh-kỳ cốt-cách người như hạc,
Vui-thú yên-hà luyện thuốc tiên.
2. — Một chiếc bàn vuông, mấy hộp tròn,
Càng ưa, càng hứng, lại càng ngon.
Thở nghê vài khói mùi hương nức,
Tỉnh sáo năm canh tiếng chuyện dòn,

Đèn thú-vị khêu, vui chẳng chán,
Lọ phong-lưu sẵn, nạo không mòn.
Nhân-sinh thích-chí là tiên-cách,
Kho của trời cho, hết lại còn.

Thạch-băng

Bài Tỳ-bà-Hành (1)

Ngày xưa đã có bài Tỳ-bà-hành dịch nôm, người ta thường lấy bài thơ nôm (dịch thơ thu-hứng) đọc trước, rồi mới đọc bài Tỳ-bà nôm.

Thiết-tưởng, bài thơ thu-hứng với bài Tỳ-bà-hành đi với nhau không hợp. Chúng tôi không quản nôm-na, lấy những ý-tứ trong bài ấy làm bài thơ khác, và dịch lại bài Tỳ-bà-hành ra nôm, để cho hợp nghĩa. Vậy xin độc-giả lấy thì giờ nhàn-hạ, xem những bài sau này mà ra một vài ngòi bút nhuận-chính cho.

Thơ Tỳ-Bà

Giăng-gió chiều thu lảm vẻ ư.
Thuyền ai tiễn khách ? khách xuôi chưa ?
Dưới đèn diu-dặt đôi tuần rượu,
Trên nước êm-đềm mấy tiếng tơ.
Ông chủ đã ra màu chảnh-choáng,
Mụ buôn càng rở nổi bơ-vơ.
Tiêu-sầu ta sẽ mua vui vậy,
Tư-mã thương ai giọt lệ thừa !

(1) **Lời dẫn.** — Ông Bạch-cư-Dị tên chữ là Bạch-lạc-Thiên là một tay hay chữ về đời nhà Đường bên Tàu. Ông làm quan phải đi đầy ra Tầm-dương ; gặp lúc giờ thu mát mẻ, ông tiễn khách ra bến Tầm-dương, chợt nghe thấy tiếng đàn tỳ-bà réo-rất bên tai, là tiếng đàn của một người thương-phụ. Người ấy thuở trẻ là gái hào-hoa phong-nhã, nhất bọn làng chơi. Đến khi có tuổi lấy một chàng lái buôn, không may phải người chồng ham-mê đường lợi, không nghĩ đến đạo phu-phụ bách niên, khiến cho nàng trong lòng phiền-não. Nàng gảy đàn tỳ-bà bấy giờ như là tỏ hết cả tình-cảnh của mình đối với mọi người nói chuyện. Ông Lạc-Thiên thấy tình-cảnh của nàng cũng đồng tình-cảnh của ông, cùng là lưu-lạc, mới cảm làm bài Tỳ-bà này.

Tỳ-Bà

Bến Tầm-dương canh khuya đưa khách,

Giời thu reo lá lách hoa lau.

Người xuống ngựa, kẻ lên tàu,

Toan bên chèo chén, hiểm châu trúc to.

Say chẳng thú ngần-ngor hồ rẽ,

Rẽ nhau khi nước vẽ giăng trong.

Đàn đàu nghe tiếng bên sông,

Chủ quên trở lại, khách không vội về.

Lựa tiếng hỏi xem tỳ ai gầy,

Tiếng to dừng, chậm thấy giả nhời.

Ghé thuyền mới đến coi chơi,

Thắp đèn thêm rượu lại bồi tiệc hoa.

Gọi-gập mãi mời ra hầu tiếp,

Còn ôm đàn khép-nếp mặt xinh.

Lên giây vài tiếng tính tình,

Chưa cung đầm-ấm đã tình lắng-lơ.

Từng giây nắn, thưa thưa từng tiếng,

Nỗi bất-bình như miệng kể ra.

Cúi mày lựa ngón dần-dà,

Sự lòng giải hết biết là bao thôi.

Se-sẽ nầy, nầy rồi lại nắn,

Trước nghe-thường sau oán lục-yêu.

Giây to sào-sạt mưa rào,

Mà giây nho-nhỏ sắt sao nói thầm.

Tiếng to nhỏ bỗng trầm chen-chóc,

Hạt châu rơi bàn ngọc tỏa-loa.

Véo-von oanh hót bên hoa,

Lâm-râm nước suối chảy ra dưới làn.

Nước suối lạnh, giây đàn chừng đứt,

Chừng đứt giây, giây rứt đọng hờn.

Buồn thầm dận tủi đòi cơn,

Ấy khi lặng-lẽ kháu hơn khi đàn,

Bình bạc vỡ chứa-chan nước chảy,

Ngựa sắt dong long-lầy siêu reo.

Khúc keo trong dạ dặt-dìu,

Tiếng như xé lụa chập vào bốn giây.

Thuyền giáp mạn đông tây lặng ngắt,
Mảnh giăng thâu vắng vặc lòng sông.
Ngâm-ngùi ghim móng giày trong,
Sửa xiêm ngấm dáng rắp mong cáo về.
Rằng: « tôi gái vốn quê kẻ chợ,
Nhà ở ngay dưới vỏ Hà-mô.
Mười ba thạo lối giang-hồ,
Ngón đàn nổi tiếng nhất trò làng chơi.
Tay sênh-phách rưng-rời ả Thiện,
Mặt phấn-son cay-nghiến nàng Thâu.
Ngũ-lăng giai trẻ đua nhau,
Biết bao the thắm thưởng câu thơ đồng.
Vành lược bạc ném tung tan mảnh,
Vẻ quần là rượu sánh hoen tươi.
Năm năm lần lửa vui cười,
Xuân thâu luống để thiết-thời gió giăng.
Em đi linh dễ chẳng di mất,
Sớm hôm giờ nét mặt cũ-càng,
Ngựa xe vắng khách giàu sang,
Nhỡ-thì đem gả cho chàng khách-thương.
Khách ham lợi thêm đường khảng-tảng,
Tháng buồn chè bơi mắng bán rong.
Cửa sông giữ chiếc thuyền không,
Quanh thuyền giăng sáng nước trong lạnh-lùng.
Đêm khuya, sức nhớ vòng tuổi trẻ,
Giấc mơ màng giọt lệ chứa-chan. »
Nghe đàn ta đã thở than,
Mà nghe truyện lại phàn-nàn khúc-nhôi.
Cùng một tụi phương giới vất-vả,
Gặp nhau đây quen lạ cần chi.
Từ kinh năm ngoái ta đi,
Nhân khi khó ở năm lý Tầm-dương.
Nơi chật-hẹp kém phường thanh-lịch,
Quanh năm không tiếng địch tiếng đàn.

Trọ gần đất bãi sông bồn,
Lau vàng trúc đặng đùn-đùn quanh sân.
Tiếng chi đề nghe lẫn sớm tối.
Cuốc kêu sàu vượn nói ử-ê,
Những là hát mọi kèn quê,
Liu-lo riu-rít khó nghe thêm buồn.
Đêm nay thấy tiếng đờn cô gảy,
Như nhạc tiên êm-nảy bên tai;
Hãy ngồi đàn khúc nữa chơi,
Vì cô sẽ dịch cho rồi bài ca:
Nề nhời tờ lân la đứng mãi,
Lại rằng ngồi kip nầy tiếng tơ,
Não-nùng khác hết dạng xưa,
Ngồi nghe ai cũng ngẩn-ngơ khóc thầm.
Ấy ai nước mắt đầm-đầm,
Giang-châu Tư-mã ướt đầm vật xanh.

HÀ-TIÊN BÚT-NGÂM

Hương đông-hải mở vừng nhật-nguyệt,
Khí lương-năng quẩn-quít hào quang.
Ba sinh ngậm nuốt huyền-sương,
Hóa thân mây bạc gió vàng đã quen.
Trên tử-phủ nhún quyền Kim-mẫu,
Vẽ hà-y khác dấu hắng-nga.
Chu-nhan say sữa đàn-hà,
Xuân non cũng mặc, thu già cũng thây.

SÁCH HAY NÊN ĐỌC

Văn-đàn Bảo-giám I In lần thứ hai 0\$70

Văn-đàn Bảo-giám II In lần thứ hai 0,40

Văn-đàn Bảo-giám III In lần thứ nhất 0,45

TRẦN-TRUNG-VIÊN sao-lục

NAM-KÝ THU-QUÁN xuất-bản

Khi đắc-ý vui-vầy non nước,
Khắp cảnh giới đua bước quần-tiên.
Thướt-tha sóng vén sương vin,
Bầu đeo Lý-Thiết, sao in Lã-Đồng.
Tuang thướt lựa kìa ông Chương-Quả,
Lững lững chừng phút hóa long-xa.
Vầy-vùng ngọn mặt phong-ba.
Hàn-Tương nâng tháp, Lam-Hòa tung gươm.
Trò ảo-biến kìa chàng Tào-Quốc,
Chỉ gây thiêng đầy ngược thái-dương.
Chung-Ly đua phép huyền-cương,
Búng cầu trên bóng phù-tang vòng-vòng.
Thú vô-tận nở trong giáp-tý,
Đoái mỉm cười những di trần-gian.
Sơn-xuyên không hẹp cảnh nhàn,
Trêu nhau chi chữ bi-hoan ỡm-ò?
Bàn tinh-đầu đặt cờ Thang-Vũ,
Thử xem cho mấy lũ chinh-chu.
Tắc gang trong côi Bồng-chu,
Khởi thiêng quán ngọn xương ngò đi về.
Này hỏa-tảo giao-lê sẵn đó,
Gánh lợi-danh vò mớ xuân-hoa.
Tao-sơn nhả-thủy là nhà,
Kim-đan nửa túi, xương-la lưng bầu.
Trộn Tần-Hán vào câu hoa-biểu,
Khách thương-nhan mắc-miu chi đây.
Trên xanh nào xuống trao tay,
Mặc chàng bắt khí, mặc thầy theo hươu.
Ngự tản khởi cột chào phong-nguyệt,
Về năm mây chen nếp vũ-y.
Bùng-bùng chớp chạy mây đi,
Này khi nhược-thủy, này khi đồng-đinh.
Trải qua vượt mấy gành tang-hải,
Cảnh phù-du bối-rối hay-hay.
Bàng-quan hỏi khách đâu đây!
Chớ đem thành-bại mắng lây sơn-hà.
Quạt râu lửa đốt qua bụi lốc,
Đàn tương-linh gắng sức nam-du.

Dịp-dàng chen tiếng vàng thu,
Trên giây nhẹ thanh Đường-Ngu tỉnh-tỉnh.
Hỏi Hoàng-thạch quyền kinh chi tá ?
Nợ Tử-Phòng tạo-hóa không vay.
Kia trông chuôi đầu vằn-xoay,
Trăm năm non Tống giấc say Trần-Đoàn.
Trơ kim cổ từng-nhan mấy lão,
Khỏe luyện-hình không bạo phi-thăng.
Hề-hà ghẹo tuyết cười giăng,
Đã thừa tuổi tác, toan chừng trẻ con.
Trò ảo-biến dọa non thế-chúa,
Thử làm thỉnh cho chú La-Công.
Hay gì cái ngón ngự-phong,
Dắt người lên chốn nguyệt-cung lững-lờ.
Duyên trích-giáng, ngọn cờ Lý-Bạch,
Gót yên-ba gọi khách thanh-liên ;
Nào nào thi-bá tửu-tiên,
Một trường ồi-lôi, mấy thiên phẩm-bình.
Này tẩy thủy bắt dành tay bút,
Vẩy nét son họa bức trần-ai.
Huyền-vi lỗ ngổ cơ giới,
Mắt rơm cho thấy Bồng-lai cũng gần.

Hà-Tư Đông-Ngạc

Nguyên tri Huyện

Lê-mạnh-Phan

VÕ-HIỆP TIỂU-THUYẾT

ĐẠI-MINH KỲ-HIỆP

Truyện rất hay. Trọn bộ 0\$90

Việt-nhân dịch

Cô đầu hát ru

Một thương thiếu ngủ mặt phờ,
Hai thương tiền hết không rờ vào đầu!
Ba thương vợ mắng quắp râu,
Bốn thương mắc bệnh mà đau-đớn ngăm.
Năm thương nghĩ nhớ âm-thầm,
Sáu thương tình hảo tưởng lầm là duyên.
Bảy thương vắng mặt không yên,
Tám thương lương tháng chi liền một canh.
Chín thương nhẹ túi nhạt tình,
Mười thương tri-kỷ đồ-danh bỏn xu!
Ru hời ru hời tình ru. . . .

Thạch-băng

Vào nhà thương

Ai khéo đưa ai đến phúc-đường,
Thương tình, thương bệnh, lại thêm thương . . .
Mang cơm, lĩnh trước vài manh giấy,
Uống thuốc, nằm yên một số giường.
Người nhit vải bông, người chắp cẳng,
Kẻ sưng mụn hạch, kẻ đau xương.
Đùi non phát sốt, tiêm vài phát,
Quan-lớn thăm-nom rất kỹ-càng.

Quan-lớn thăm-nom rất kỹ-càng;
Áo quần cấp sẵn, cửa nhà sang.
Nhấn mảy, cảm cảnh tình đau-đớn,
Khai bệnh, vì đầu nói rõ-ràng.
Vài bác bạn vờ: tê, lở, sứt,
Mấy chai thuốc nước: tím, xanh, vàng.
Đêm khuya dẫn-dọc, ai nâng-rắc,
Quà-bánh, hàng rao tiếng cách tường.

Thạch-băng

Vịnh thủy-tiên

Nhị vàng cánh trắng, vẻ thanh-tân,
Yêu-điệu tiên-nga, đẹp bội phần.
Lá kết móng rồng, mình phới-phới,
Rễ xòe râu hổ, nước vân-vân;
Hương thơm bay thấu từng mây biếc,
Giá ngọc treo cao tốt phẩm trần;
Lạc lối đào-nguyên, qua cảnh tục,
Hoa-khôi tiếng dậy nức hương-lân.

Trần-trung-Viên

Bài hát điên

Cô tây lấy khách,
Thằng mán ngồi xe;
Ông sư chim gái bị què,
A-di-đà-phật lặc-lè một chân!
Bác thổ-công không quần đội mũ,
Cái cuộc đời kẻ hủ người sang.
Ông tư sao khéo đa-đoan,
Cụ già gần xuống lỗ lấy nàng hai-mươi!
Cuộc đời ngồi nghĩ nức cười,
Bên sông con cò lội, trên gò con vạc kêu.
Ngày xuân bướm nhón nhị đào,
Ô kìa! ông lão lại trêu cô nàng.
Đêm khuya mơ-mết mơ-màng,
Chồng mình không vợ, vợ quàng chồng ai!

Trần-trung-Viên

SÁCH HỌC

HỌC-QUỐC-NGŨ

In chữ to giấy tốt 0\$05

BÙI-MIỀN-QUÂN soạn

Giáo-khoa-thư

Tân-Hán-Văn giáo-khoa-thư lớp đồng-ấu 0,12

Cách-Trí giáo-khoa-thư lớp Đồng-ấu 0,12

Của nhà Học-chính Đông-pháp soạn

Bán buôn ở NAM-KÝ THU-QUÁN

CÁI CHƠI MẤT NƯỚC

Y-công là vua nước Vệ, ở đời Xuân-thu. Lúc bình-nhật, tính hay chơi hạc, chỉ yêu quý hạc mà không thiết đến dân. Ông nuôi hạc, tất phong cho tước-vị, đãi lương-bổng rất nhiều, mà khi hạc đi chơi lại dùng thứ Hiên-xa là xe của quan đại-phu để cho hạc cưỡi. Hạc là một thứ rất quý trong triều, tính-mạnh nhân-dân cũng không thể nào ví kịp. Vì thế nhân-dân đem lòng ta-oán, không dám nói ra.

Chợt hồi đó có rợ狄 đem quân đến đánh nước Vệ. Ông Y-công hạ lệnh cho dân phải ra đánh giặc, coi giữ nước-non. Dân thấy vậy, đều thoái-thác rằng: « Nền sai hạc ra đánh trận. Hạc có bổng-lộc, có tước-vị đó. Còn chúng tôi, chúng tôi đánh gì được ai ! » Nhân thế, dân đều khảng-tảng bỏ liều, đến nỗi nước Vệ phải mất về tay rợ狄.

Than ôi ! Nước sống vì dân, nay bỏ dân mà yêu giống hạc, trách nào nước Vệ chẳng nguy. Cái chơi của Y-công, kẻ cũng xưa nay có một không hai.

T. Đ.

ĐANG IN

NHẤT-VỢ NHÌ-GIỜ

Lịch-sử tiểu-thuyết

Động-giang **Nguyễn-nam-Thông** dịch



THỜI-HÀI

Ai muốn chóng . . . ? !

Các nước bên Âu-châu, số dân tự-tử mỗi ngày một nhiều, già bạc đầu còn tự-tử, bé nhãi con cũng tự-tử. Ngay xứ mình đây, số người tự-tử cũng không phải là ít; sông sông Nhị quay lơ hồn bạc-mệnh, nước hồ Gươm đục vẩn bóng hồng-nhan! Gương trước đã nhiều, gương sau còn lắm, hẵn cũng còn nhiều người đang chán đời, muốn chóng chết. Nay tôi mới phát-minh một lối cho rất chóng chết, nhanh bằng mấy tự-tử, nhưng mà chết sung chết sướng, chết được no điều bẽ bụng, chứ không như ai mà chết đứt ruột đứt gan, chết mà nước mắt-sắc bong-bóng mũi !

Nguyên tôi dốt chữ tây, mà tính lại sinh văn tây, thường vẫn nghe bập-bồm mấy ông học chữ tây đọc mấy câu văn tây rằng: Muốn sống lâu thì ăn thong-thả (Pour vivre longtemps, mangez lentement) và câu: Muốn sống lâu thì đuổi bớt thợ may và nhà bếp (Pour vivre longtemps, chassez vos tailleurs et vos cuisiniers). Ý hai câu đó nói, là muốn sống lâu thì ăn ít và điều độ, ăn mặc đừng xa-hoa lắm. Nay trái lại hai lẽ đó, thì muốn tự-tử rất dễ, nghĩa là ai muốn chóng chết thì cứ ăn cho nhiều, uống cho khỏe, nhai cho nhanh, nuốt cho chóng, ăn cho thủng nồi, ăn cho chôi chĩa, vật gì cũng ăn, ăn cho lấy được, làm cái túi đựng cơm! Ăn xong, áo nằm bầy mớ, quần chín mươi manh, giầy mũ nghênh-ngang, khăn ô lượt-thướt, làm cái mắc áo thịt, rồi chơi cho siêu đình,

LẠC-KHỒ

Nhật-Ký Sợ-vợ ?

Hoạt-kê tiểu-thuyết

Có bài tựa của ông **Phạm-Quỳnh** chủ

Nam-Phong Tập-chí. Giá bán 0\$50

cho đồ quán, cho long giò, cho lở đất, cho bung giải yếm, cho tụt giầy lưng, thế là được chóng chết ngay, khó gì !

Kế đó, có hay không ? có tuyệt-riệu không ? Thực là chóng chết, mà chết sung chết sướng, chết thực mát da no bụng nhé ! Thực là tự-tử lối mới nhé !

T. T. Viên

Hát thờ bà Trưng-Vương

(Hát nói)

Nữ-trung anh-kiệt,
Ba thước gươm đánh bạt lũ tham-tàn ;
Rắp phanh thây Tô-Định lấy gan,
Tiết-liệt động muôn vàn quân khởi-nghĩa.
Đỡ gánh non-sông, em giúp chị,
Gia tay cung-kiếm, vợ thương chồng;
Nôi thù này, chẳng đội trời chung,
Quân Hán đổ máu hồng trong mấy trận ;
Một bực dư-đồ, trời định phạt,
Sáu mươi thành-quách, đất thu về;
Rạng san-hà, soi tỏ bóng quang-huy,
Nền độc-lập mở phượng-trì long-bệ.
Anh-hùng đã tạo nên thời-thế,
Cuộc tang-thương hưng-phế là thường ;
Nghìn thu nữ-chúa treo gương.

Thạch-băng

Trung-ngoại danh-nhân Hào-Kiệt-sử

Quyển thứ ba

Nguyễn-Trãi lịch-sử

Sở-cuồng soạn (đang in)

Chừa nha-phiến phú

(Dĩ đề vi vận)

Có một chàng: lửa-hương ngày tháng, xe lợ sớm trưa. Trước còn tiêu-khiển, sau hóa say-sưa. Quen mùi thấy mùi ăn mãi, có tiền mua được càng ưa. Sinh càng một tỉnh mười mê, ngày chơi lẫn lúc; đèn thắp năm canh sáu khắc, đêm khấn cho thừa. Cây có rừng, cửa có công-ty, kho vô-tận hút không sao cạn; thú cho mình, lợi cho nhà-nước, tiền bao nhiêu tiêu cũng chẳng vừa. Bận nằm nghiêng đi lại tạc-thù, tán bông-pháo vênh tai nghe sảng nhĩ; vợ bĩu môi ra vào ngúng-nguẩy, ngấm cơ-đồ sốt ruột nghĩ buồn chưa. Quá chơi-bời, quen thân quen nết phải đa-mang, ả phù-dung mấy phen quấy-những; nghĩ nông-nôi, hao của hao người thêm mất việc, gan tướng-quản nhất định là chừa.

Thôi thì: Đã chót mắc, gỡ cho ra. Không dây với nhựa; chẳng bận cùng ma. Thần đen-sì tiền đi nơi khác, quỷ nghèo-xáo tổng biệt cho xa. Đèn cùng khay phá vỡ như pháo đèn, còn dám trối ai bằng bắc; tiếm với nạo ném bay như tên bắn, tội chi rước tỉnh về nhà. Nghĩ tiếc cho vàng-bạc tiêu hoài, vào lỗ hà ra lỗ hồng; thà rằng lấy thì giờ vô-dụng, khi thưởng rượu lúc thưởng hoa. Từ rầy hăn vai rộng sức dài, người chẳng gầy như cái hạc; sau này chắc cơm ngon da đỏ, mặt không đen tựa sắc nha.

Không ngờ: Nhớ quá thành điên, cơn lên sinh biến. Mũi dài sứt-sùi, gân-xương lay-chuyển. Ăn không ngon, nằm cũng chẳng yên; trông vào đau, nói ra chẳng tiện. Hắt hơi ngáp vặt, miệng Kiều-tùng hô-hấp hu-hư; ra ngẩn vào ngơ, dáng Bành-tổ khuất-thân ngưỡng-yễn. Tưởng những lúc vân-đài say tỉnh, băng-khuàng như mắt lạng vàng; nhớ đến khi yên-các ngã-nghiêng, mộng-mị chưa quên bữa nghiện. Bệnh hoa-liều cũng không phiền đến thế, sa rơi hạt lệ tương-tư; bả ăn-chơi cho nên nổi nước này, hối lại ngày nhàn bất-thiện. Nghìn gở trăm trêu cơn nó vật, co sun quên thú loan-phòng; thất điên bát đảo chứng gì đây, độc mấy hủ thần nha-phiến!

Thế mà : Con khổ đã qua, bệnh-tình không có. Bỏ được cơm đen, tiếp sang vận đỏ. Hơi khói không thêm, mùi đời đã đủ. Vẻ xuân hồi mày-mặt nở-nang, thần tài tiếp cửa nhà dư-dụ. Nợ lòi-thời không còn vương mây-may, sức vùng-vẫy chẳng chịu nằm một xó. Chân kỳ-ký phóng dậm trường dong-duỗi, há còn dính nhựa quẩn đêm ngày ; cả kênh nghề chơi bề rộng thung-thăng, mới thỏa dài hơi đùa sóng gió. Lau khói bắt, rũ bay bụi sai, chốn gia-đình thêm rạng vẻ quang-minh ; thoát nghèo-nàn xoay lại phong-lưu, trong vũ-trụ thấy lắm đường vui-thú. Mừng cho thuốc phiện chữa xong, lạo-thảo tả nên văn phú.

Thạch-băng

Lời quan Ôn

Thương Nam-Việt dân ngu mê tin,
Cải-lương mà thói mán không chữa !
Lập đàn cúng, tiền lễ đưa,
Óc tim mê-mộng còn chưa tỉnh-hồi ;
Nhân gặp buổi khí trời viêm-nhiệt,
Xuân sang hè, thời-tiết đổi thay ;
Nên sinh bệnh-tật chẳng hay,
Quỉ-thần nào ghẹo mà hay cúng cầu ?
Đức Thượng-đế trên đầu soi xét,
Lòng hiếu-sinh thể hết nhân-tình.
Xót người chẳng biết vệ-sinh,
Nắng mưa dễ cảm tưởng mình có ma !
Ta thiên-quan bắt-tà chi-chính,
Không khi nào bắt lính dương-gian.
Cớ sao mấy lũ dã-man,
Đặt điều độc-ác đồ oan cho thần ?
Nào giấy mã xa gần bày-vẽ,
Nào cỗ bàn đặt lễ khắp nơi ;
Có ai trông thấy ta xoi ?

Trung-ngoại danh-nhân Hào-Kiệt-sử

Quyển thứ tư

Lịch-sử Vua Minh-Trị Nhật-bản

vào hồi Nhật-bản duy tân

Chỉ làm tổn của cho người thất kinh.
Ta thể đức hiếu-sinh phú-tái,
Mong nhân-gian khỏi phải tai-ương;
Có đâu ăn lễ lấy vàng,
Bóp người như thói tham-tang ở đời !
Tiền lễ-vật các nơi phí-tồn,
Nên chi dùng vào khoản vệ-sinh;
Áo cơm sạch-sẽ ngon-lành,
Thuốc cần trữ sẵn, quả xanh đừng dùng.
Biết dưỡng sức thì không có bệnh,
Khéo giữ mình cho mạnh thì yên.
Sắm chi giấy mã phí tiền?
Thuyền, tàu, voi, ngựa đốt liền ra gio.
Mấy lời nói bảo cho tỉnh lại,
« Thượng-qui » là nết đại hư thân.
Sao quan không biết bảo dân,
Khôn không bảo đại, cấm ngăn thói nhàm?
Đại thì chết, chứ ai làm?

« Quan Ôn »

Thạch-băng

Tiền quan Ôn

Một đàn thổ-tả kéo nhau ra,
Có phải quan đâu ! chỉ lũ ma.
Chẳng giữ thanh-liêm, còn bóp-nặn,
Đã không phúc-đức, lại gian-tà;
Mượn cơn viêm-nhiệt thu vàng bạc,
Nạt lũ ngu-si nhắm lợn gà.
Tôi cũng chấp tay van các bác:
Biết điều tử-tế trả cho xa.

Thạch-băng

ĐẠI-LÝ

Phụ-Nữ Tân-Văn	mỗi số	0\$15
Đông-Tây Tuần-Báo	—	0,15
Thần-chung-Báo	—	0,05
Sách Nữ-Lưu Thư-Quán.		

VIỆT-SỬ VẤN-ĐÁP

I. — Gốc-tích nước Việt-Nam

- Vấn — Hỏi anh: lên mặt Địa-cầu,
Từ xưa cắt rốn chôn rau nơi nào?
Đáp — Với em cùng giọt máu đào,
Biến hình hiện kiếp sinh vào Việt-nam.
Vấn — Hỏi anh: nước Việt ai làm,
Trung-kỳ gồng-quỷ Bắc Nam hai kỳ?
Đáp — Em ơi! tông-tổ từ khi,
Mở-mang đất-nước ba kỳ chia ba.
Vấn — Hỏi anh: ba xứ nước nhà,
Giống nòi mình trước sinh ra xứ nào?
Đáp — Em ơi! bề rộng non cao,
Bắc-kỳ là xứ thoát vào gây nên.

II. — Nghề-nghiep làm ăn của dân ta

- Vấn — Hỏi anh: bề bạc rừng tiền,
Người xưa vun-vén ta nên thế nào?
Đáp — Em ơi! phải bới phải đào,
Cày sâu cuốc bẫm, lẽ nào ngồi ăn.
Vấn — Hỏi anh: đàn-đúm quây-quần,
Sao cho ngày mở tỉnh-thần nước-non?
Đáp — Em ơi! phải bán phải buôn,
Phải đi khắp cõi nước-non trong ngoài.
Vấn — Hỏi anh: yêu giống yêu loài,
Phải nên có nghệ có tài hỏi anh?
Đáp — Em ơi! phải khéo phải sành,
Đã tỉnh nghề thợ lại nhanh việc làm.
Vấn — Hỏi anh: ròng-rời Việt-nam,
Học-hành có lẽ chịu cam đờn-hèn?
Đáp — Em ơi! có học mới nên,
Vay nông, công, cổ, sĩ trên ba nhà.

III. — Sự-tích vua Lạc-Long với bà Âu-Cơ

- Vấn — Hỏi anh: sách sử nước ta,
Chép ra lắm sự nghe mà lạ sao?

- Đáp — Em ơi! sách nói lẽ cao,
Mà xem có lạ chút nào đâu a.
- Vấn — Hỏi anh: sao bảo nước nhà,
Một buồng trứng-nước mẹ cha tiên-rồng?
- Đáp — Em ơi! xưa chúa Lạc-Long,
Lấy bà Âu, bọc trứng rồng nở ra.
- Vấn — Hỏi anh: sao lạ thế à!
Người tiên sao lại nở ra trứng rồng?
- Đáp — Em ơi! linh-khí núi-sông,
Nước-non chung-đúc lạ-lùng sự chi.
- Vấn — Hỏi anh: lẽ đó thật kỳ,
Bọc nào trăm trứng, trứng gì trăm con?
- Đáp — Em ơi! giới nặn trứng tròn,
Cũng như nặn bọc nặn khuôn lạ gì.
- Vấn — Hỏi anh: lấy lẽ đó suy,
Thợ giới kia cũng hiểu-kỳ lắm sao?
- Đáp — Em ơi! giới khéo chùng nào,
Nặn con còn được nữa bao bọc ngoài.
- Vấn — Hỏi anh: giới đúc đầu tài,
Trăm con một mẹ có người nào a?
- Đáp — Em ơi! một ruột mẹ ra,
Trăm giai thừa trước có bà Hậu-Phi.
- Vấn — Hỏi anh: cứ lẽ đó thì,
Trăm con ắt phải trăm kỳ bầm-sinh?
- Đáp — Em ơi! xét rõ thường-tình,
Sinh ba để chập lại quanh bọc ngoài.
- Vấn — Hỏi anh: một bọc trăm giai,
Rồi sau phối-hợp với ai vợ chồng?
- Đáp — Em ơi! đó ồ trứng rồng,
Giống tiên vốn sẵn khắp vùng sơn-nhai.
- Vấn — Hỏi anh: vậy một giống-loài,
Cùng là bát máu sẻ hai rồi à?
- Đáp — Em ơi! cùng bọc sinh ra,
Thời cùng nước tóc màu da khác nào,

IV. — *Vua Lạc-Long, bà Âu-Cơ chia con (50 con theo mẹ về rừng; 50 con theo cha ra bể).*

Vấn — Hỏi anh: cùng giọt máu đào,
Rồng-tiên một giống nữ nào phân chia?

Đáp — Em ơi! sinh sống tìm nghề,
Nên theo cha, mẹ chia về bể, non

Vấn — Hỏi anh: cha mẹ sinh con,
Chia về mạn bể, miền non thế nào?

Đáp — Em ơi! tiên tới non cao,
Rồng về mạn bể ra vào trung-châu.

Vấn — Hỏi anh: trứng-nước một bầu,
Phải chăng chọn để con đầu làm vua?

Đáp — Em ơi! còn côi phong-đô,
Nổi đời mười-tám ngôi vua, vua Hùng.

V. — *Vua Hùng dạy dân vẽ mình, làm nghề chài-lưới và cày-cấy săn-bắn.*

Vấn — Hỏi anh: vua nổi ngôi rồng,
Dạy dân sao vẽ Giao-Long vào mình?

Đáp — Em ơi! làn bể mông-mênh,
Dân ta chài-lưới rất kinh thường-luồng.

Vấn — Hỏi anh: mặt nước thuyền buông,
Vẽ mình dễ giống thường-luồng sợ chẳng?

Đáp — Em ơi! lưới vét chài quăng,
Vẽ mình cho nó nghĩ rằng bạn quen.

Vấn — Hỏi anh: mình vẽ đỏ đen,
Văn-lang thói cũ còn truyền hay không?

Đáp — Em ơi! thuyền vẽ mắt rồng,
Phòng khi vượt bể cá không dựa thuyền.

Vấn — Hỏi anh: tục ấy còn truyền,
Nước Văn-lang hãy còn tên đó mà?

Đáp — Em ơi! tục ấy truyền xa,
Nên người thích cánh, khắc hoa, chữ đề.

Vấn — Hỏi anh: vua dạy làm nghề,
Phải chăng cày-cấy chăm về việc nông?

Đáp — Em ơi! cày-cấy ruộng đồng,
Lạc-điền lên xuống theo dòng nước sa.

Vấn — Hỏi anh : một quạnh rừng hoa,
Cung tên vua dạy dân ta thế nào ?

Đáp — Em ơi ! trong cõi rừng Đào,
Ngàn hươu hang thỏ ra vào xông-pha.

VI. — Bà Tiên-dung lấy ông Chử-đồng-Tử.

Vấn — Hỏi : đời Hùng đến thứ ba,
Con vua ai lấy con nhà đi câu ?

Đáp — Em ơi ! duyên-kiếp cùng nhau,
Vợ-chồng gặp-gỡ kể đâu sang-hèn.

Vấn — Hỏi anh : vì bởi thiên-duyên,
Chử-Đồng sao được tới liền Tiên-Dung ?

Đáp — Em ơi ! đồng-tử câu sông,
Thấy nàng tắm mát nằm vùng cát khô.

Vấn — Hỏi anh : đầu cuối sự-do,
Nằm trong bãi cát sao xò xuống thuyền ?

Đáp — Em ơi ! đồng-tử phép tiên,
Rũ sa, lặn nước, vào thuyền như chơi.

Vấn — Hỏi anh : duyên-sự bởi giới,
Hay là bên sắc bên tài ư nhau ?

Đáp — Em ơi ! giới định đã lâu,
Xui nên công-chúa bãi lau dừng thuyền.

Vấn — Hỏi chàng : họ Chử là tiên,
Mai sau thành bãi Tự-nhiên thế nào ?

Đáp — Em ơi ! được phép tiên trao,
Xây nên cung-quán kém nào phồn-boá.

Vấn — Hỏi : sau vua giận con mà,
Bắt về sao bỗng cửa nhà bay lên ?

Đáp — Em ơi ! đồng-tử phép tiên,
Một đêm bãi sậy mọc lên thành rừng.

Vấn — Hỏi : nay bãi cát bến Đẳng,
Khoái-châu đó, phải là rừng sậy không ?

Đáp — Em ơi ! sự-tích Chử-đồng,
Hưng-yên còn ngọn đèn trong Đa-hoà.

VII. — Đức Phù-Đồng lên ba tuổi, cưỡi ngựa sắt, phá giặc Ân, rồi bay về giới.

Vấn — Hỏi anh : ai tuổi lên ba,
Cưỡi con ngựa sắt xông-pha tuyệt-vời ?

- Đáp — Em ơi! Phù-Đồng con giỏi,
Đời Hùng thứ sáu, ngài thời giáng-sinh.
- Vấn — Hỏi anh: sao khéo tài-tình,
Lên ba phá giặc oai-linh thế nào?
- Đáp — Em ơi! ngựa sắt bay cao,
Liếc gươm, nhổ bụi tre rào ném ngang.
- Vấn — Hỏi anh: sao nói hoang-đường?
Lẽ nào ngựa sắt vượt ngàn xa bay?
- Đáp — Em ơi! ngài cười gió mây,
Chế ra máy lửa tàu bay đó mà.
- Vấn — Hỏi anh: ngài mới lên ba,
Tàu bay máy lửa chế ra được nào?
- Đáp — Em ơi! ngựa sắt thét gào,
Ngựa phun ra lửa khác nào máy hơi.
- Vấn — Hỏi anh: ngài dẫn người giỏi,
Máy bay sao chẳng dạy người chúng ta?
- Đáp — Em ơi! máy dữ-độc mà,
Thánh-thần không muốn dạy ta làm gì.
- Vấn — Hỏi anh: ngài biết làm chi,
Biết mà không dạy, đem đi cũng hoài?
- Đáp — Em ơi! những máy hại người,
Đời còn man-muội, dạy thời ai hay.
- Vấn — Hỏi anh: ngài cười ngựa bay,
Nhổ tre ném, gốc tre này còn chẳng?
- Đáp — Em ơi! ngài nhổ tre quăng,
Tre còn mọc ngược bụi măng mới kỳ.
- Vấn — Hỏi: sao ngài lại bay đi,
Giặc Ân đã phá, vậy thì đi đâu?
- Đáp — Em ơi! đời cuộc bể dâu,
Nên ngài tìm chốn non sâu ẩn mình.

VIII — *Lý-Ông-Trọng* mình cao hơn trượng, làm quan
Hiệu-úy nhà Tần.

- Vấn — Hỏi: ai cao chấm nóc đình,
Làm quan nước khác có danh lẫy-lừng?
- Đáp — Em ơi! Ông-Trọng phải chẳng?
Quan Tần Hiệu-úy tiếng lừngHung-nô.

- Vấn — Hỏi : người Ông-Trọng dù to,
Sao lia nước Việt, ngăn hồ cho ai ?
Đáp — Em ơi ! chiêng dấm nước người,
Không kêu cũng dấm ba hồi lấy danh.
Vấn — Hỏi : sao Ông-Trọng đành-hạnh,
Thành dài muôn dặm nhẹ mình như tên ?
Đáp — Em ơi ! giữ khóa cài then,
Cửa quan dù thác còn in tượng đồng.
Vấn — Hỏi : như Ông-Trọng anh, hùng,
Giai Từ-liêm, chí tang-bồng giỏi thay ?
Đáp — Em ơi ! ông mắng nước này,
Để cho Thục Triệu giẫm-giầy cõi Nam.
Vấn — Hỏi : cơ giới chẳng cho làm,
Vậy nên Ông-Trọng phải cam thờ Tần ?
Đáp — Em ơi ! làm bậc Tướng-quân,
Mà trong non nước có ân-huệ gì !

IX. — Hai bà Trưng, đánh, đuổi Tô-Định, lên ngôi vua,
và chống nhau với Mã-Viên.

- Vấn — Hỏi anh : thuộc Hán thời-kỳ,
Có ai là bậc nữ-nhi anh-hùng ?
Đáp — Em ơi ! hai gái châu Phong,
Bà Trưng vì nước vì chồng rửa oan.
Vấn — Hỏi anh : phận gái hồng-nhan,
Chen vai gánh-vác giang-san thế nào ?
Đáp — Em ơi ! phận gái má đào,
Chị em liếc đá mài dao giả thù.
Vấn — Hỏi : vì Tô-Định tham-ô,
Giết chàng Thi-Sách, gây thù phải chăng ?
Đáp — Em ơi ! hần nước gì bằng,
Hai bà Trưng vẫn cắn răng cau mày.
Vấn — Hỏi : khi Tô-Định hồn bay,
Sáu-mươi thành cũng vỗ tay reo à ?
Đáp — Em ơi ! mấy cõi sơn-hà,
Ngàn Đoàn ải bắc à-à quân reo.
Vấn — Hỏi : ngày Tô-Định chạy xiêu,
Lĩnh-Nam riêng mở một triều hội anh ?

Đáp — Em ơi ! giới bề tung-hoànhi,
Ba năm dựng cõi My-linh đất nhà.

Vấn — Hỏi : từ Hán khiến Phục-ba,
Hồ Tây, sông Cấm, sau đà ra sao ?

Đáp — Em ơi ! mấy lớp ba-đào,
Đôi gươm thần-nữ ném vào đáy sông.

Vấn — Hỏi anh : trong bọn má hồng,
Có nên nhiều bậc anh-hùng ấy chẳng ?

Đáp — Em ơi ! vì nổi bất-bằng,
Cho nên phận gái đành rằng giận thân.

Vấn — Hỏi anh : phận gái tảo-tần,
Tang-bồng hồ-thỉ để phần cho ai ?

Đáp — Em ơi ! phận bọn con giai,
Lẽ nào cung-kiếm mặc ai thoa-quần.

Vấn — Hỏi : hai Bà đã vì dân,
Lòng người đời đức cảm ân thế nào ?

Đáp — Em ơi ! non Tản còn cao,
Sông Hồng cửa Hát biết bao đền thờ.

X — Bà Bát-Nạn (tướng của hai Bà Trưng)

Vấn — Hỏi anh : tranh-trọi cuộc cờ,
Đàn-bà đánh giặc bấy giờ những ai ?

Đáp — Em ơi ! bà Bát-Nạn tài,
Gọi bà Vũ-thục vốn người Vĩnh-an.

Vấn — Hỏi : bà cũng bạn hồng-nhan,
Mà sao có mặt có gan anh-hùng ?

Đáp — Em ơi ! cũng vì thù chồng.
Vì dân vì nước căm ròng họ Tô.

Vấn — Hỏi : bà Bát-nạn ở chùa,
Vì sao gây oán giã thù cho cam ?

Đáp — Em ơi ! vì giống Việt-nam,
Giã thù chồng, mới tìm am ở chùa.

Vấn — Hỏi : bà giết bọn giặc thù,
Máu lòe đầm áo về chùa phải chẳng ?

Đáp — Em ơi ! gươm uốn vòng giăng,
Máu lòe lần bóng gương, băng về chùa.

Vấn — Hỏi : Tiên-la chốn bà tu,
Mài dao còn rấp giã thù nữa chẳng ?

- Đáp — Em ơi! bà giúp bà Trưng,
Sau này mười tám cửa rừng cầm quân.
Vấn — Hỏi: khi đánh đuổi giặc hản,
Thượng-ngàn nổi tiếng tướng-quân kia mà?
Đáp — Em ơi! Tô-Định Phục-Ba,
Một tay chống-trọi tiếng bà góm-ghê.
Vấn — Hỏi: sau Lãng-bạc, Cấm-khê,
Hai bà Trưng mất, bà về ở đâu?
Đáp — Em ơi! gió thảm mưa sầu,
Áo bào lại nhuộm màu nâu về chùa.
Vấn — Hỏi: bà nhiều trận ganh-đua,
Còn di-tích với sơn-hồ hay không?
Đáp — Em ơi! gần ngã-ba Nông,
Đền Tiên-la đó rẫy sung ngắt giới.
Vấn — Hỏi: bao sông-nước toi-bời,
Rẫy sung từng trải mấy đời phong-ba?
Đáp — Em ơi! từng trận gió pha,
Đi nam về bắc à-à cây reo.

XI. — Bà Lê-Chân (tướng của hai bà Trưng)

- Vấn — Hỏi: ai gái huyện Đông-triều,
Bể xanh hoá đá nổi bèo về quê?
Đáp — Em ơi! bà tướng họ Lê,
Dấu thơm còn đó đền Nghè An-Biên.
Vấn — Hỏi: bà phận gái thuyền-quyên,
Kiếm-cung sao phải đua-chen liễu-bồ?
Đáp — Em ơi! bà đuổi giặc Tô,
Ba năm cửa Cấm tranh-đua thuyền bông.
Vấn — Hỏi: khi Mã-Viện tranh-hùng,
Bà từng lay đổ cột đồng mấy phen?
Đáp — Em ơi! mặt bể đua-chen,
Phục-Ba chưa dễ dựng nên cột đồng.
Vấn — Hỏi: bà Trưng lúc gieo sông,
Bà về cửa Cấm quyết lòng làm sao?
Đáp — Em ơi! bể rộng giới cao,
Quyết liễu một cánh hoa đào phôi-pha.
Vấn — Hỏi: sao bà hoá đá mà,
Mặt ghềnh rẽ nước trôi hoa về làng?

Đáp — Em ơi! bà xuống bể vàng,
Hoá hòn đá nổi về làng An-biên.

Vấn — Hỏi: nay làng Vển còn đèn,
Vì hòn đá nổi gây nên phải không?

Đáp — Em ơi! làng Vển Hải-phòng,
Khói nhang còn ngọn đèn rồng thiên-niên.

XII. — Bà Triệu-Âu (vua bà Lệ-Hải)

Vấn — Hỏi: đời Tam-quốc đua chen,
Cờ vàng trội với Tôn-Quyền là ai?

Đáp — Em ơi! Triệu-Âu khác đời,
Vũ dài ba thước, mình ngoài trượng cao.

Vấn — Hỏi: bà là nữ anh-hào,
Cờ vàng mở mặt má-đào có chẳng?

Đáp — Em ơi! bà Triệu ai bằng,
Tiếng vua Lệ-Hải vang lừng Đông-Ngô.

Vấn — Hỏi: bà từng cưỡi voi xô,
Anh-hùng ai dễ dám so-sánh bằng?

Đáp — Em ơi! bà chọn tài-năng,
Ba-mươi võ-sĩ đỡ nâng gươm vàng.

Vấn — Hỏi: bà xông-đột chiến-tràng,
Mấy phen chệt côi rừng Ngang rạch giới?

Đáp — Em ơi! rừng bể tơi-bời,
Hầm thiêng cá nhơn nghe hơi giạt mình.

Vấn — Hỏi: bà mấy lớp tung-hoành,
Đến khi thoát-trận hồi-binh thế nào?

Đáp — Em ơi! chớp nhoáng mưa rào,
Bà lên tit đỉnh núi cao liêu minh.

Vấn — Hỏi: bà rất mực oai-linh,
Thần thiêng tướng mạnh tinh-anh hấn còn?

Đáp — Em ơi! linh-sảng bao mòn,
Làng Bồ-diễn nọ nay còn khói nhang.

XII. — Vua Tiên-lý Nam-Đế

Vấn — Hỏi: khi nước thuộc nhà Lương,
Vua Tiên-Nam-đế quật-cường hỡi anh?

Đáp — Em ơi! ngài ở Thái-bình,
Đuổi Tiêu-Tư nổi oai-thanh một thời.

- Vấn — Hỏi: người oai-thét lừng giời,
Dưới cờ thu-lãm anh-tài bao nhiêu ?
Đáp — Em ơi! ngài mở một triều,
Hai ông Triệu-Túc, Tinh-Thiều võ-văn.
Vấn — Hỏi: ngài mở nước Vạn-Xuân,
Mấy phen chống-trọi với Trần-bá-Tiên ?
Đáp — Em ơi! từ trận Long-biên,
Trở vào Khuất-lạo, sang bên Triệt-hồ.
Vấn — Hỏi: khi sương-gió mịt-mù,
Sau nhà Tiền-lý cơ-đồ ra sao ?
Đáp — Em ơi! ngài tới trong Lào,
Vời vua Triệu-Việt phó trao cầm quyền.
Vấn — Hỏi: ta trải mấy đời trên,
Mới đây lập-hiến truyền-hiến phải chăng ?
Đáp — Em ơi! ngài rất công-bằng,
Dù cho Nghiêu-Thuấn cốt rắng vì dân.
Vấn — Hỏi: ngài đã hết lòng nhân,
Cảm công đội đức lòng dân thế nào ?
Đáp — Em ơi! còn nóc đền cao,
Tử-Dương làng cũ ngạt-ngào hương-bay.

XIV — *Vua Triệu-Việt* (thay vua Tiền-Lý, chống Trần-bá-Tiên, giữ Giã-trạch, giết Dương-Sàn về Long-biên làm vua).

- Vấn — Hỏi: khi cuộc nước trở-xoay,
Ai cài mũ trụ trao tay gươm vàng ?
Đáp — Em ơi! vua Triệu-Việt-vương,
Con ông Triệu-Túc đảm-đương anh-tài.
Vấn — Hỏi: vua Tiền-lý châu giời,
Mặt hồ Điền-triệt ai người cầm quân ?
Đáp — Em ơi! thời buổi phong-vân,
Trao vua Triệu-Việt chống Trần-bá-Tiên.
Vấn — Hỏi: từng tranh-trọi mấy phen,
Trở về Giã-trạch ra niềm Khoái-châu ?
Đáp — Em ơi! rừng sậy xanh mù,
Bùn lầy bốn mặt, trung-khu đất bằng.

Vấn — Hỏi : ngài về giữ đó chẳng,

Đợi thời lựa gió bẻ măng quân thù ?

Đáp — Em ơi ! ngày tắt khói mù,

Đem thuyền độc-mộc ra vồ quân Lương.

Vấn — Hỏi : khi Trần-bà về Lương,

Ngài ra đánh giết họ Dương thế nào ?

Đáp — Em ơi ! thắng ngọn cờ đào,

Giết Dương-Sàn kéo thẳng vào Thăng-long.

Vấn — Hỏi : xưa ngài được móng rồng,

Cài đầu-mâu rất oai-hùng lắm sao ?

Đáp — Em ơi ! rừng Sậy xa bao,

Chữ-đồng-tử xuống đưa trao móng rồng.

XV — *Vua Triệu-Việt và Lý-Phật-Tử giảng-hoà.*

Vấn — Hỏi : vua Triệu-Việt nên công,

Sau Lý-Phật-tử tranh-bùng phải chẳng ?

Đáp — Em ơi ! Phật-tử bất-bằng,

Kéo quân ra đánh ngang chừng bị thua.

Vấn — Hỏi : ai gây oán sinh thù,

Sao khi bại trận vua cho cầu hoà ?

Đáp — Em ơi ! vì họ Lý mà,

Bến Quân-thần, côi sơn-hà chia hai.

Vấn — Hỏi : khi hòa-ước định lời,

Phải chẳng Triệu Lý quyết bài thông-gia ?

Đáp — Em ơi ! Triệu-Cảo-nương mà,

Nhã-lang gửi rể rồi ra bạc-tình.

Vấn — Hỏi : ngày Triệu Lý giao-binh,

Vì con nghiêng nước nghiêng thành phải chẳng ?

Đáp — Em ơi ! vua Triệu công-bằng,

Móng rồng lừa bẻ bởi rằng tại ai.

Vấn — Hỏi : vì vua Triệu tin người,

Cùng đảng liền xuống bể khơi thế nào ?

Đáp — Em ơi ! bể rộng giới cao,

Ơn nhà Tiên-Lý vua nào nỡ quên.

Vấn — Hỏi : vua xuống cửa Đại-Yên,

Bây giờ cửa bể còn đền thờ chẳng ?

Đáp — Em ơi! đèn Triệu ngắt tằng,
Cha con Phật-tử trối-trắng về Tùy.

Vấn — Hỏi: ai bội-bạc làm chi,
Hại người mà có ích gì hay không?

Đáp — Em ơi! Phật-tử phụ lòng,
Cha con bị bắt, non-sông đồ quấy.

XVI. — *Sự-tích vua Mai-hắc-đế.*

Vấn — Hỏi: khi Tùy mất Đường thay,
Chống Đường đô-hộ mấy tay anh-hùng?

Đáp — Em ơi! trong quạnh rừng hồng,
Vua Mai-hắc-đế mình đồng da đen.

Vấn — Hỏi: ngài đang cuộc đua chen,
Ngoại-giao với các nước bên thế nào?

Đáp — Em ơi! Lâm-Ấp, Ai-Lao,
Lại thông Chân-Lạp kết-giao hợp-đồng.

Vấn — Hỏi: đời Đường, đến Huyền-tông,
Sai Dương-tư-Húc tranh-hùng rồi sao?

Đáp — Em ơi! núi Vệ đắp đảo,
Ngài xây mấy lớp thành cao hăy còn.

Vấn — Hỏi: khi mưa giạt gió giồn,
Rừng hồng sao bỗng héo-mòn gốc Mai?

Đáp — Em ơi! ngài mất đi rồi,
Châu Hoan, Hương-lâm muôn đời khói-nhang.

XVII. — *Ông Khương-công-Phụ (làm Tể-tướng nhà Đường)*

Vấn — Hỏi: đang khi nước thuộc Đường,
Người Nam ai bước quan sang nước Tàu?

Đáp — Em ơi! Công-Phụ tài mau,
Họ Khương đồ tiến-sĩ Tàu kém ai.

Vấn — Hỏi: ông người xã Sơn-ôi,
Phải chăng quê cũ vốn người Cửu-chân?

Đáp — Em ơi! Thanh-hóa cũng gần,
Đất nhà tranh-chơi bút văn mấy đời.

Vấn — Hỏi: ông Tể-tướng nước ngoài,
Có khi cũng tỏ anh-tài Việt-Nam?

Đáp — Em oi ! non bể hôn-hàm,
Cũng nên tỏ lộ Việt-Nam anh-tài.

Vấn — Hỏi : xưa Ông-Trọng quan ngoài,
Sao đem chiêng đấm nước người lại ché ?

Đáp — Em oi ! khen bởi tài-huê,
Ché vì chẳng đoái trông về nước-non.

XVIII. — *Vua Phùng-bổ-Cái* (đánh Cao-chính-Bình tự-lập
làm Đô-quân)

Vấn — Hỏi : Đường cai-trị rất khôn,
Đặt quan đô-hộ, ai còn giám đang ?

Đáp — Em oi ! Bồ-Cái Phùng-vương.
Người châu Phong, vốn quê làng Đường-lâm.

Vấn — Hỏi : ngài sức khỏe bằng vâm,
Tay không sao giám bắt hãm vật trâu ?

Đáp — Em oi ! ngài khỏe và mau,
Ông em lầy đá nhỏ cầu như chơi.

Vấn — Phải chăng sức khỏe tầy giời,
Ngài còn có bạn muôn người khôn đang ?

Đáp — Em oi ! ngài có bạn vàng,
Ông Bồ-phá-Lặc khỏe ngang hai ngài.

Vấn — Hỏi : ba ông hợp sức tài,
Mặc dầu quấy nước đục giời ai đang ?

Đáp — Em oi ! ngài hẹn người làng,
Đồ-anh-Hàn tới phá tan phủ-thành.

Vấn — Hỏi Đường-đô-hộ Chính-Bình,
Một đêm sao bỗng thất kính lia hôn.

Đáp — Em oi, trống giục chiêng giồn,
Chính-Bình đêm sợ bay hôn đỉnh mây.

Vấn — Hỏi : khi nền nước đã xây,
Đô-quân, Đô-bảo đặt bầy ra sao ?

Đáp — Em oi ! ngài chủ quyền cao,
Chức quan Đô-bảo thì trao em nhà.

Vấn — Hỏi : tên Bồ-Cái đặt ra,
Phải chăng dân gọi là cha-mẹ mình ?

Đáp — Em oi ! ngài rất oai-linh,
Dân coi như bác-mẹ sinh khác nào.

Vấn — Hỏi: sau con nối nghiệp sao,
Cớ sao cuộc nước lại trao nhà Đường?

Đáp — Em ơi! Đường khiến Triệu-Xương,
Phùng-An con nối hàng Đường, tiếc thay!

XIX. — *Vua Khúc-tiên-Chủ, Trung-Chủ và Hậu-Chủ*

Vấn — Hỏi: đời Ngũ-Quý rồi vậy,
Chức Đường-đô-hộ ai thay cầm quyền?

Đáp — Em ơi! họ Khúc gây nền,
Người Hồng-Châu đứng chủ-quyền cõi Nam.

Vấn — Hỏi: Đường vơ-vét túi tham,
Cõi Nam sao để người Nam cầm quyền?

Đáp — Em ơi! Đường lúc đảo-diên,
Người mình dựng lấy chủ-quyền phải nghe.

Vấn — Hỏi: Tiên-chủ giữ sơn-khê,
Đến đời Trung-chủ phân chia thế nào?

Đáp — Em ơi! Trung-chủ quyền trao,
Đặt ra hộ-tịch sáp vào lộ-châu.

Vấn — Hỏi: đời Hậu-chủ về sau,
Vớ nhà Nam-Hán bên Tàu ra sao?

Đáp — Em ơi! vì thất bang-giao,
Hán sai Khắc-Chính bắt trao về Tàu.

XX. — *Ông Dương-chính-Công (đuổi Lý-khắc-Chính và Lý-Tiến, phá Trần-Bảo)*

Vấn — Hỏi: từ Hậu-Khúc mất sau,
Còn ai chống-trọi với Tàu nữa không?

Đáp — Em ơi! nha tướng Dương-công,
Đuổi quân Khắc-Chính Quảng-đông chạy về.

Vấn — Hỏi: ông can-đảm đã ghê,
Bấy giờ mưu lược chống-che thế nào?

Đáp — Em ơi! góp bọn anh-hào,
Ba nghìn tráng-sĩ mài dao rửa thù.

Vấn — Hỏi: khi Khắc-Chính đã thua,
Lại còn Lý-Tiến ganh-đua thế nào?

Đáp — Em ơi! Trần-Bảo kéo vào,
Trận-tiền chốc đã đầu trao gươm vàng.

Vấn — Hỏi: ông, việc nước sửa-sang,
Mấy năm tên nỏ dọc-ngang một giới?

Đáp — Em ơi ! trải sáu năm dài,
Sau vì Kiều-Tiện con đòi giết oan.

XXI — Vua Ngô-Vương-Quyền (báo thù cho Dương-công,
giết Kiều-Tiện, phá quân Nam-Hán ở sông Bạch-đăng,
lên làm vua, đóng đô ở Loa-thành)

Vấn — Hỏi : Dương-Công đã cuộc tàn,
Sau còn ai vị báo oan rửa thù ?

Đáp — Em ơi ! còn có Vua Ngô,
Làm nha-tướng giữ Ái-chu từ ngày.

Vấn — Phải chăng ngài ở Sơn-tây,
Vời Phùng Bố-Cái quê này Đường-lâm ?

Đáp — Em ơi ! non Tản ngàn tầm,
Đất thiêng người giỏi Cam-Lâm chốn này.

Vấn — Hỏi : Dương-công bị tai-bay,
Vua Ngô là rề vạy nay giả hân ?

Đáp — Em ơi ! rề nghĩa con ân,
Song gì bằng ngãi quân-thân đỉnh đầu.

Vấn — Hỏi : khi ngài giữ Ái-châu,
Nghe Dương-công mất, đau sầu ra sao ?

Đáp — Em ơi ! quân mặc tố-bào,
Tiếng chiêng dậy đất, mũi đao chọc giời.

Vấn — Hỏi : ngài về tới tận nơi,
Nghe tin Kiều-Tiện viện ngoài rồi sao ?

Đáp — Em ơi ! viện Hán chưa vào,
Phút thôi Kiều-Tiện đã dao kề đầu.

Vấn — Hỏi : quân Nam-Hán đến sau,
Sông Bạch-Đăng bị đắm tàu vì sao ?

Đáp — Em ơi ! theo ngọn nước trào,
Ngài sai dựng cột ngăn rào cửa sông.

Vấn — Hỏi : ngài cưỡi lá thuyền bông,
Rủ tàu quân Hán vào sông thế nào ?

Đáp — Em ơi ! thuyền ruồi nước trào,
Trào lui, nước chảy đâm lao mắc tàu.

Vấn — Hỏi : khi cột sắt nhô đầu,
Quân Lưu-Hoảng-Tháo vỡ tàu phải chăng ?

Đáp — Em ơi ! nước chảy cột giăng,
Con vua Nam-Hán sông Đăng đổ quân.

Vấn — Hỏi : ngài vì nước vì dân,
Dốc dòng sông bạc rửa hần rồi sao ?

Đáp — Em ơi ! riêng mở một trào,
Thành Loa bề rộng non cao mặc dầu.

Vấn — Hỏi : ta thoát khỏi người Tàu,
Phải chăng độc-lập bắt đầu từ đây ?

Đáp — Em ơi ! trận nước sông đầy,
Khai dòng chính-thống sau này còn lâu.

XXII — Vua Hậu-Ngô (bị Dương-Tam-Kha phế-lập, sau
nhờ Phạm lệnh-Công, anh-em về giảng-hòa, lại tha
Dương-tam-Kha)

Vấn — Hỏi : vua Ngô đến đời sau,
Dương-Kha phế-lập cơ-mẫu ra sao ?

Đáp — Em ơi ! gặp bước ba-đào,
Hậu-Ngô nhờ cậu sau vào phục ngôi.

Vấn — Hỏi : ai thương cháu bồ-côi,
Sau anh-em lại hợp đôi giảng-hoà ?

Đáp — Em ơi ! Phạm-Lệnh-Công mà,
Sau Nam-Sách lại giảng-hoà Tấn-vương.

Vấn — Hỏi : sao tha tội họ Dương,
Hậu Ngô có lẽ cầm cương không rành ?

Đáp — Em ơi ! cũng cậu em mình,
Phép công có lẽ đang tình được đâu.

Vấn — Hỏi : xem lịch-sử trước sau,
Phải chăng non-nước một bầu sinh ra ?

Đáp — Em ơi ! khúc ruột lần da,
Cùng là trứng nước con nhà Lạc-long.

Hết Nam-sử tiền-biên, cộng 22 bài.

Hoàng-sơn Tú-tài
Nguyễn-Thúc-Khiêm

ĐANG IN
THÔI-MIÊN-THUẬT

Trình-thám dùng toàn phép thôi-miên rất ly-kỳ.
Ai xem cũng phải ghê mình sỗn óc. Ai muốn học
Thuật Thôi-miên nên đọc sách này, mới biết cái
công-dụng của thuật ấy. Do nhà Thôi-miên Mỹ soạn.

CÁCH CHƠI NGÔNG CỦA ÔNG TÚ SUẤT

Những truyện chơi-nghịch « quái ác » của Tú Suất rải-rắc khắp nơi, không mấy người không biết. Tuy lâu ngày thất-lạc mất nhiều, nhưng cứ nhất các tích còn lưu-truyền ở cửa miệng thế-gian, cũng còn có thể chép thành một quyển truyện rất dày. Ký-giả dụng-tâm sưu-tập trong mấy năm, hiện đã ghi chép được dăm chục truyện, toàn những truyện thú-vị, có thể mua vui những lúc tửu-hậu trà-dư.

Vậy trước khi cống-hiến bà-con toàn-thiên « Khoái-hoạt sử » của ông, hãy xin tạm trích vài tích vụn-vặt phụ in vào quyển « Chơi xuân » này, để chư tôn biết qua đại-khái. Còn toàn thiên lịch-sử sẽ tiếp in sau.

CẦU . . . « CỬA » BÀ THƯỢNG

Tú Suất giang-hồ đã nhiều, chơi tinh đã chán, mới quay về làng làm nghề « gõ đầu trẻ » cho đoạn tháng qua ngày. Vợ con thấy ông đã biết tu thân cải-hối, trong lòng đã mừng: Nào ngờ đâu ông chỉ tu-tĩnh được nửa tháng, rồi tạt nào lại hoàn chứng nấy. Ông chơi ngay cho bà lớn Thượng bản-hạt một « vố » rất là thâm-hiểm độc-ác, khiến cho bà lớn phải tức-giận đến học máu, mà nhân-dân vùng đó cũng phải sôi lên sùng-sục, rồi đến chánh-phó phải nhón-nhác điên-cuồng, tai-hại khốn-khổ không biết chừng nào mà kể! Chúng biết nọc gây-vạ chỉ tự ông mà ra, nên mới hội nhau lại, định đến phá nhà ông và đánh cho ông một bữa, mới hả lòng tức-giận! . . .

Nhưng Tú Suất há phải là người ngu-ngốc, chịu ngồi khoanh tay cho chúng làm nhục được sao? Ông đã biết thừa cái mưu của chúng, nên khi chúng dần-dộ kéo đến vây bắt ông, thì . . . chỉ còn tro ba gian nhà vắng, Tú Suất đã tếch đi phương nào từ bao giờ không rõ! . . .

Nhưng truy-nguyên cái việc « cầu . . . bà thượng » này, chẳng qua cũng tại Ba Giai nhân cơn say rượu, đem lời nói khích với ông, nên mới xảy ra như thế!

Nguyên một hôm Ba Giai, Tú Suất cùng vài người « đồng chí » nữa đương ngồi chè-chén, chơi đùa với nhau. Ba Giai nhân thấy Tú Suất chệnh-choáng hơi men, nói-năng tự-phụ, liền thừa-cơ nói khích rằng :

— Chà ! những cái can-đảm tửn-mủn của bác, chỉ có thể khoe-khoang với đám nhi-nữ, chứ có tài-giỏi gì mà đáng kể với tôi !

Tú Suất nghe nói, tức mình quát to lên rằng :

— Việc như việc cướp cô tiểu, việc giả tướng giặc, mà anh bảo là nhi-nữ à ! Liệu anh đã có can-đảm làm nổi chưa ?

Một tiếng cười nhạt, Ba Giai đáp lại ngay :

— Cái đó chẳng qua là « cáo đội lột hùm » mà thôi, khó gì mà không làm được ! Nếu anh có giỏi, chiều hôm nay, bà Thượng đi vắng qua đây, chầy hội chùa Hương, . . anh dám mở vồng ra mà bóp vú và cấu vào chỗ . . . ấy một cái, thì tôi mới chịu anh là gan liền tướng-quân. Nếu không thì từ đây xin chớ nói khoe-khoang, mà thêm nuốc !..

Tú Suất khảng-khái nói phất rằng :

— Được rồi ! Chiều nay tôi làm ngay việc đó, để mở mắt cho anh biết « cái gan Tú Suất » này không phải tầm-thường như lũ « chó chết » nào đâu !

Nói đoạn, ai nấy cả cười, rồi lại quần nhau uống rượu. Tú Suất trót đã hứa lời, nghĩ lại có ý hối-hận : « Một bà nhất-phẩm đường-quan, há phải tầm-thường ! Đi đâu vồng-giá nghênh-ngang, kẻ hầu người hạ, kẻ hàng trăm nghìn người xúm-xít chung quanh . . . mình là một thằng cầu-bắt làm thế nào mà được tới gần ! Làm thế nào mà chui đầu vào trong vồng được ! Mà lại làm thế nào mà bóp được vào vú ; cho dầu có lập kế làm liều, nhưng lúc chạy đi tất là chúng bắn chết, mà nếu chia tay cho chúng trối điệu lên tỉnh, thì quan ông cũng chẳng tha nào . . . ! »

Tú Suất càng nghĩ lan-man, càng thấy khó-khăn ghê-sợ ; Ba Giai biết ý, lại khích thêm mấy câu thâm-độc,

khiến cho Tú Suất không thể thoái-thác được nữa! Bất-đắc-dĩ, Tú Suất phải cả-quyết lập mưu, cố làm kỳ được mới nghe.

Đúng chiều hôm ấy, Tú Suất bảo Ba-Giai và mấy người bạn ra quãng đường đó, tìm một chỗ khuất ẩn-nấp để chứng-kiến sự hành-động của mình. Bọn họ đi khỏi rồi, thầy tú ta liền thay mặc bộ quần-áo thật sang, rồi một tay cầm chẽ cau, một tay cầm phong thư, khoan-thai ra chờ ở một hàng nước gần đó.

Vì đã có công-văn sức cho các làng biết trước giờ nào Bà lớn đi qua, nên chỉ bọn Ba Giai mới biết mà đánh đổ như vậy. Quả nhiên đúng giờ, đã thấy ngọn cờ tiếng trống từ phía xa-xa lần lần đi tới...

Một chiếc võng đào đi giữa, hai hàng quân lính đi kèm, gươm hầu dàn trước, thị-nữ theo sau. Trông có vẻ đường-bệ nghiêm-trang, phảng-phất như nghi-vệ một vị đường-quan đi tuần-tiểu địa-phương nào vậy!

Bọn Ba Giai nhác thấy quang-cảnh, bất-giác dật mình kinh-sợ thay cho tính-mạng Tú Suất, không khéo vì cái khí-khái nhỏ-nhen vô-nghĩa, mà dìm mình vào vòng tội-tù nguy-hiểm cũng nên! Nghĩ tới đó, lại thương hại Tú Suất, toan bàn nhau ra ngăn-cản lại, nhưng cũng không tài nào kịp nữa.

Nguyên Tú Suất suy-tính nát gan nát ruột, mới lập ra được một kế.

Bụng bảo dạ rằng: « Nếu ta bóp vú, thì tất bà ta lu-loa ầm-ỹ mà hô lính bắt ngay. Nhưng nếu ta « cầu » cho một cái vào giữa chỗ hiểm, tất bà kia xấu-hổ mà phải bím đi.

Nói ra, đã đành tội một thẳng liễu-lĩnh vô-danh, nhưng thêm bêu-riếu điểm-nhục đến danh-tiết của mình, lại nhơ-nhuốc cả cái thanh-danh của chồng nữa. Chắc bà ta chẳng dại gì mà lại « vạch áo cho người xem lưng ».

Tú Suất lập tâm thế, bèn ngồi chờ cho bọn nọ đi khỏi một quãng xa, mới đứng dậy lật-đật chạy theo.

Khi đuổi kịp, liền giơ chè, cau và phong thư ra, và hất-hơ hất-hải nói khễ với bọn lính hầu rằng:

— Tôi là cháu ruột, gọi bà lớn là cô. Nay cha tôi có việc cần, phải đưa cau này và thư này cho cô tôi lập tức. May quá. tôi đã tưởng không theo kịp được nào.

Nói xong, chẳng đợi bọn lính trả lời, liền xăm-xăm tới cạnh võng, vén màn chui đầu vào trong, một tay đưa thư, một tay luồn ngay vào đùi bà-lớn mà cẩu một cái thật đau !

Bà Thượng, đương nằm thiu-thiu ngủ, thỉnh-linh bị cẩu đánh « nhói » một cái. Dậy nầy mình, mở choàng hai mắt nhìn ra, thì thấy một chàng lạ mặt đứng bên. Bà hồ-thẹn đỏ ửng mặt lên. Trong lòng tức-giận không biết chừng nào, nhưng cứng lưỡi không sao nói nên lời được, bất-đắc-dĩ phải tác sắc mắng rằng:

— Ờ hay ! thằng nào thằng này ? Ai cho phép mày dám sỗ-sàng vô-lẽ như vậy ? Lính đâu ? Không đuổi cò nó ra !

Bà lớn nói vậy, nhưng chưa rút lời thì Tú Suất đã vội-vàng chui ra khỏi võng. Mặt làm ra vẻ bất-bình, mà câu-nhàu nói rằng:

— Cô cháu với nhau mà cũng làm oai làm phách, thật uổng mất cả công-phu của mình !

Bọn lính thấy « bà cô » quát đuổi như thế, « ông cháu » vùng-vằng như kia, ai nấy ngo-ngác nhìn nhau, chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, cũng cứ để lặng cho Tú Suất thông-dong lui thoát, không hề cản-trở một lời.

Thế là Tú Suất được cuộc. Bọn Ba Giai bị thua, phải làm ba bữa rượu để tạ lại. vì trước đã giao hẹn rõ-ràng.

Về phần Tú Suất, bấy giờ tuy ngoài mặt ung-dung nhận cuộc, nhưng trong tâm thật đã rối như canh hẹ, nóng như lửa hun ! Chàng suy đi tính lại, việc này tất sẽ lồi-thôi, không thể nào yên được ! Lúc đó, chẳng qua bà thượng sợ xấu với lính-tráng, nên tạm nén tâm « thả lỏng » mình ra, chứ sau này có khi nào quên không xét đến ?

Tú Suất xét đoán thật không sai : quả nhiên, hôm ấy bà Thượng về nhà, trông thấy quan ông, liền ứa hai hàng nước mắt, bùng mặt khóc nức khóc nỏ.

Quan ông kinh-ngạc, vội săn-sóc hỏi duyên cớ làm sao ?

Quan bà hai ba lần toan nói, lại ngắc-ngứ không nói nên lời.

Mãi tới canh khuya, cả nhà yên ngủ bà lớn mới đánh liều mặt dạn mày dày mà thổ-thể nói cùng quan lớn :

-- Quan lớn tinh, nó là một tên dân ở dưới quyền sinh-sát của quan lớn, mà nó dám trêu tôi một miếng rõ ê-chề thắm-thía, tưởng có thể cắn lưỡi chết ngay đi được ! Nhưng tôi không chết vội, là vì chưa được giải-bầy để cho quan lớn nghe rõ nguồn-con ! Nếu việc này quan không truy-cứu cho ra mà rửa thù cho tôi, thì khi đó tôi sẽ liều thân cho trong-sạch, cái nông-nổi uất-ức thế này, thực tôi không thể nào sống được, mà cũng không mặt-mũi nào sống ở với đời.

Quan ông nghe tới đó, nóng ruột không chịu nổi, vội hỏi giồn ngay rằng :

— Nhưng mà là việc gì ? Đầu đuôi làm sao ? đũa nào dám trêu-gheo bà ? mau mau bà nói rõ cho tôi nghe đã.

— Nhờ oai thế quan lớn, nên mọi sự đi đường đều được bình-yên hết thầy ; duy chiều hôm nay, lúc đi qua địa-phận làng Phương-trung, chợt thấy một thằng lạ mặt, chừng hơn 30 tuổi, dám chạy tới đánh lừa bọn lính, nói là cô cháu với tôi, rồi xông ngay đến bên võng, vén màn

tho đầu vào, mà thừa-gửi lảng-nhăng vài câu, rồi thừa cơ, thọc ngay tay vào mà cấu. . . tòi một cái ! . . Những quân như thế, bấy giờ tôi nói ra càng dở, cho nên đành phải im đi. Nhưng quan lớn tướng thân-danh bà lớn như tôi, nếu mắc phải miếng này mà không trị nổi, thì sống nữa làm chi ?

Quan ông nghe tới đó, tức thì dùng-dùng nổi cơn thịnh-nộ, nghiêng răng nghiêng lợi, bảo bà lớn :

— Thế thì bạo thật ! Quân nào mà to gan lớn mật đến thế ! . . . Bà không phải nói, nếu tôi không nã bắt được thằng quỷ-sống này, cho bà hành tội, thì tôi cũng không mặt mũi nào trông thấy bà, mà cũng không mặt nào còn giữ ngôi Tổng-đốc ở đây ! . .

Quan nói xong, đợi sang hôm sau, lập tức truyền xuống mấy đạo hỏa-bài, khẩn sức cho huyện-quan phải hỏa-tốc áp-giải bọn chánh phó ký-dịch vùng đó, lên tỉnh đề tra hỏi. . .

Lệnh quan truyền xuống, các tổng-lý sợ-hãi điên-cuồng, ngày đêm kéo nhau lên tỉnh đông như mắc cửi ! . .

Khi đó, Tú Suất đã lánh nạn ở xa, nhưng cũng hiền mang-máng hết mọi công-chuyện. Chàng tự nghĩ, nếu mình không suất đầu lộ diện một phen, thì bọn tổng-lý tất cũng truy-nã đến kỳ-cùng, khó lòng tránh đâu cho thoát.

Nghĩ thế, bèn nhất diện mua bã-đậu ăn, bỗng hóa ra chứng thượng-thở hạ-tả, rồi chỉ vài hôm người dốc hẳn đi, không coi ra hồn người nữa ! Đoạn rồi lại cạo đầu, cạo râu, nhổ trụi lông-mày, lấy dọc khoai nướng và nước đậu-ván xoa khắp mình mẩy, trông càng xanh-xao vàng-vọt, như người bị bệnh « ngã nước » lâu năm.

Mưu kế làm xong, chờ đến chập tối, mới sai người khiêng mình về làng. Bọn hào-mục được tin, chẳng hỏi là ốm đau thế nào, liền đốc-thúc tuần-phu, ngày đêm

khiêng tuột ngay lên tỉnh, đệ nộp cho quan phụ-mẫu. Quan thấy đã bắt được đứa thủ-phạm, bèn cho giam vào đề-lao để rồi xét hỏi, còn dân-phu thì tha tạm cho về.

Qua ngày hôm sau, quan lớn thẳng đường xét hỏi, Tú Suất một mực kêu oan. Quan thấy dáng người ốm yếu khoeo-khư, không nỡ gia-hình, bèn cho mời bà lớn ra để nhận-diện; quan bà ngắm-nghĩa kỹ-càng, rồi lắc đầu bảo là không phải.

Quan ông nghĩ tình oan thực, liền hạ lệnh tha ngay. Rồi lâu lâu, việc ấy cũng không hỏi-han gì đến.

Thế là Tú Suất lại thoát thân.

Động-giang

CÂU TRUYỆN NGÀY XUÂN

Kịch-bản

Nguyễn-hữu-Kim

Sáng mừng một tết, ngoài hiên sắc pháo đỏ hoe, dưới bàn thờ gia-tiên, hương bay nghi-ngút, cụ Giáo người coi quắc-thước, da đỏ hồng-hồng, râu bạc phơ-phơ, gập buổi nghênh xuân, cụ đang ngồi trên chiếc ghế bành, nhấp chén rượu mừng xuân. Chợt nghe tiếng cười ha-hả từ ngoài đi lại, cụ định nhón nhìn ra, tưởng là khách lạ, chẳng hóa ra ông bạn cố-giao của cụ là cụ Huấn.

Cụ-Huấn, từ phía cửa đi vào, lớn tiếng hỏi rằng: — Cụ-Giáo có nhà không, đã có ai vào sông đất chưa, hay là lão đây?

Cụ-Giáo, vội-vàng đứng dậy, vòng tay đáp lễ. — Kia cụ Huấn, chúc cụ đa lộc đa đình, sống lâu mạnh-khỏe.

Cụ-Huấn, tiếng cười sang-sảng, tay vãi chào mà rằng: — Năm mới, xin chúc cụ tăng tài tiến lộc, mạnh-khỏe rồi lại sống lâu trăm tuổi.

Cụ Giáo. — Xin đa-tạ cụ, mời cụ ngồi, nhưng mà cụ chúc cho nhiều quá, chỉ sợ sai thời.

(Hai người cùng cười ran như pháo nổ).

Cụ Huấn. — Sai thì chết chứ sao, ời chào! gần kề miệng lỗ rồi còn kiêng, khéo cụ. Cụ Giáo, quay lại gọi thẳng xe đứng gần đó. — Xe lấy rượu đây này, nói xong lại tiếp: Này, làm cốc rượu tây nhé?

Cụ-Huấn. — Tôi xin kiêu cái anh rượu tây, chóng say lắm.

Cụ Giáo. — Không, cái này ngọt không sợ.

Cụ Huấn. — Ngọt thế mới chóng chết, mình cứ rượu lâu ngâm lục vị mà chén, là thú hơn cả.

Thẳng xe mang lọ rượu ra, để trên bàn, cụ Giáo tiếp lấy, rót vào hai cốc, rồi nói với cụ Huấn rằng:

— Tôi có cái đơn thuốc của người bà con cho, ngâm từ dạo tháng chín đến giờ, chưa dám uống, hôm nay có cụ, nhân tiện mời cụ soi cho vui.

Cụ Huấn. — Thế còn gì bằng nữa, mình cứ rượu thuốc mà uống bồ chán, rượu tây chỉ để các thầy dùng thì thích.

Cụ Giáo, nưng chén mời: — Nào xin mời tiên-sinh thưởng xuân cho.

Cụ Huấn, cầm chén — Mời cụ; nói xong, cùng nhấp chén, rồi lại tiếp: à cái này tốt đấy, ừ mình uống cái này mới có thể chịu đựng được, uống rượu của ông tây vào, ngọt lừ, chán phê!

Cụ Giáo. — Không, rượu tây cũng có thứ không ngọt, như cái thứ rượu Gôm, uống nặng bằng mấy thứ rượu cục của mình, sức chúng mình chỉ được một cốc là thoái rồi.

Cụ Huấn. — À cái rượu Gôm ấy à, ừ cái ấy nặng thực, hôm thẳng Thông nhà tôi nó cho một cốc, mà trời lên không tài nào uống hết.

Cụ Giáo. — Vâng, cái ấy nặng lắm; thằng Tham nhà tôi nó cũng có mua chứ, về mùa hè uống rất tốt.

Cụ Huấn. — Sao lại bảo cái ấy uống mất để, hả cụ?

Cụ Giáo. — Không, cái rượu Áp-sen của anh tây Đức nó làm, uống vào mới mất để.

Cụ Huấn. — Thảo nào, tôi thấy họ nói, uống vào rồi ra anh nào anh ấy bụng cứ phệ ra, nó chả nhiều mỡ quá, không để được thực. Không trách họ cấm là phải, à sao tôi thấy nói có cái thứ rượu Banh-banh uống cũng độc lắm, có phải không cụ?

Cụ Giáo. — Không, cái ấy là rượu sâm-banh uống tốt lắm, ba bốn đồng một chai kia đấy.

Cụ Huấn. — Uống tốt, hèn nào mình đi ăn cưới, họ rót ra mỗi người một cốc, uống với bánh Ga-tô, họ cứ chấm bánh vào rượu mà ăn, mình bụng bảo dạ, họ ăn thế có đáng chết không?

Cụ Giáo. — Bánh ấy không phải là bánh ga-tô đâu, họ gọi là bánh Bích-qui kia đấy. Đám nào có những thứ ấy mới là đám cưới sang, chỉ những bậc hào-phú mới dám dùng đến, như mình thôi chả dám màng đến.

Cụ Huấn. — À thế kia đấy, hèn nào cứ thấy họ cầm cái bánh, chấm một cái rồi lại cắn một miếng; ăn uống xong thầy nào thầy ấy, mặt đỏ như mặt gòai ấy, thế rồi mỗi anh lại một điếu thuốc lá to tướng, bằng ngón chân cái, ngậm vêu cả má, hỏi họ là thuốc gì, thì họ bảo là thuốc xì-gà, lại đến cả các bà các cô cũng thấy hút, trông rõ rơ quá.

Cụ Giáo. — Ấy thế mới là văn minh đó, cụ ạ.

Cụ Huấn. — Văn minh! văn minh cái gì! đời bây giờ họ bỏ nhau choanh-choách, văn minh cái gì?

Cụ Giáo. — Ấy thế mà không có không xong đấy, cụ ạ, đám cưới mà không có ô-tô, lợn quay, chần gấm, gói đầm, sâm-banh, bích-qui thì không danh giá, cụ bảo sao?

Cụ-Huấn. — Ấy thế mới là văn minh dỏm, cứ xem chỗ chúng nó nằm, cũng y-môn treo, thì có khác gì cái giường thờ tổ nhà mình không, nào thôi thì chần gấm, gối thêu rõ xa-hoa quá.

Cụ Giáo. — Thì cứ thử xem, chẳng quan chẳng tư gì mà cũng áo gấm vàng, giày con phượng, giá ngày xưa, vào thời buổi quan ta, hỏi những kẻ thường-dân ai đã dám dùng chưa?

Cụ Huấn. — Không trách họ bảo thời buổi văn minh Tây Tàu có khác, chẳng biết rồi ra họ mặc đến gì, cưới thì, đi xe song mã có rồi, ô-tô có rồi, tàu bay có rồi, rồi ra họ đi đến tàu ngầm chắc.

Cụ-Giáo. — Rồi ra tàu ngầm thực.

Cụ Huấn. — Nghĩa là: rồi ra họ xoay đến cái chủ-nghĩa tự-do kết-hôn, cứ anh chị bằng lòng nhau là về nhà, chẳng phải cưới xin cũng được, có phải không cụ?

Cụ Giáo. — Minh ngày xưa phải đi xem mặt vợ, then đến chết mất, thế mà bây giờ họ cứ chung-chung cháo-cháo; coi rõ rơ quá!

Cụ Huấn. — Còn văn minh, còn tự-do kết-hôn, còn chết! thực là thời buổi nhố-nhăng.

Cụ Giáo. — Các ông ấy hô hào cải-lương hương-chính, cải-lương hôn-lễ, cải-lương kị-lạp, ấy thế mà cứ xem đám cưới, thời bỏ chè-mạn sen, dùng sâm-banh ba bốn đồng một chai, bỏ xôi vò, chè đường, bánh cốm, xôi-xê, dùng bích-qui kẹo tây, ngày dô không cô-bản, chỉ dầu-cau hương-hoa, thì lại đặt tiệc tháng, bỏ rượu ta, dùng rượu vang nước đá; như thế có quá tội không cụ?

Cụ Huấn. — Thì ngay như tết đến, vẫn chè tàu, thủy-tiên, vẫn quả mứt, đĩa hạt-dưa, lại đeo thêm hộp kẹo tây với dăm chai rượu mùi, thế thì cải-lương cái gì? Quá chết!

Cụ Giáo. — Ấy kể ra, bây giờ xa-xỉ hơn ngày xưa nhiều lắm, có phải không cụ ?

Cụ Huấn. — Phải, cụ tính rằng : ngày xưa mình cưới vợ có mất mấy ; cô dâu chỉ có cái áo the, cái quần sồi, đôi dép sơn, đã là coi được rồi.

Cụ Giáo. — Ấy tôi lấy bà cháu, chỉ mất có sáu chục quan tiền thôi đấy.

Cụ Huấn. — So thế nào với các thầy các cô ấy bây giờ được ! thôi, năm mới sang mừng tuổi cụ, tôi xin phép cụ, tôi về.

Cụ Giáo. — Đa tạ cụ, . . . tôi cứ mong được sống lâu, để ngắm cái cuộc tiến-hóa tương-lai của cái xã-hội mình, xem nó còn nhớ-nhăng đến thế nào nữa ?

Cụ Huấn. — Vâng, ấy tôi cũng cùng một ý ấy, thôi lấy cụ, tôi xin về. Hai cụ cùng cười ha-hả, coi bộ còn tươi như bông hoa mùa xuân vậy.

Nguyễn-hữu-Kim

SẮP XUẤT-BẢN

Sợ i - Tơ - Hồng

Kịch-bản

Nguyễn-hữu-Kim Soạn

NAM-KÝ THU-QUÁN xuất-bản



ĐÔNG TÂY TUẦN BÁO

ĐÔNG TÂY gặp nhau.

Sóng giao-thời đánh tung trên mặt đôi nửa quả địa-cầu. Những lý-thuyết gây nên nền-tảng xã-hội người phương Đông đã thấy ca-tụng lẫn trong tiếng máy chạy phía trời Tây; mà người phương Đông thì, từ ngày nước Nhật duy-tân cũng đã chịu mở toang cửa ải, thu những món hàng mới bên Đại Tây-dương đưa lại.

Cuộc xung-đột chẳng bao giờ thấy mạnh bằng ngày nay. Trước tình-thế ấy, nước đã khôn rồi, cũng như nước vừa tỉnh dậy, đều còn bỡ-ngỡ.

Phải có người dẫn bước đi!

Nhưng làm thân tên lính ấy, mỗi vết thương phải nhận là thứ huân-chương không hình.

Báo **ĐÔNG TÂY** ra đời, xin cũng góp một chân trong hàng quân đầu trận.

Hai thứ văn-hoá của hai phương, nếu ta tin rằng cần đến cả hai, thì phải diễn-giải ra, dung-hợp lấy, để tự mình gây được cốt-tính riêng — cái cốt-tính riêng người Nam-Việt.

Mà, có gây được cái cốt-tính riêng, mới mong sống nổi trong buổi mới cũ đương cùng nhau sô-sát.

Dùng tay vào việc, chúng tôi bắt đầu từ nay.

Mấy lời trung-cáo ra tự trái tim, công-cuộc lớn đợi ở quốc-dân giúp sức.

ĐÔNG TÂY

GIÁ BÁO

Mỗi số	0\$15
Ba tháng	2.00
Sáu tháng	3.80
Một năm.	7.00

Thơ và mandat xin gửi cho :

HOÀNG-TÍCH-CHU

N° 74, Route du Grand Bouddha, N° 74

N° 54 bis, Rue Bourrin, N° 54 bis

HANOI

TRUNG-NGOẠI DANH-NHÂN HÀO-KIỆT SỬ

Bộ TRUNG-NGOẠI DANH-NHÂN HÀO-KIỆT SỬ ra đời, mục-đích sưu-tầm lịch-sử các bậc danh-nhân và anh-hùng hào-kIỆT trong nước nhà và ngoài thế-giới, để cống-hiến liệt quí đồng-bang.

Quyển thứ nhất mới in ra đây, là sự-tích đức PHÙ-ĐỒNG THIÊN-VƯƠNG là một bậc anh-hùng cứu quốc của nước Việt-Nam ta vào hồi Hùng-Vương thứ sáu.

Quyển thứ nhì, nay mai sắp in, là lịch-sử ông LÊ-NGUYỄN-HỒNG, một bậc đại anh-kIỆT của nước Trung-hoa vào thế-kỷ thứ 20.

Quyển thứ ba sẽ thuật về lịch-sử cụ **Nguyễn-Trãi** là một bậc đại công-thần của nước nhà, cùng vua Lê-thái-Tổ bình giặc Ngô.

Quyển thứ tư sẽ thuật về lịch-sử vua MINH-TRỊ Nhật-Bản vào hồi Nhật-Bản duy tân.

Rồi sau đến quyển thứ năm, thứ sáu, lần lượt in dần, cũng toàn thuật về lịch-sử các bậc vĩ-nhân trên thế-giới xưa nay, miễn là giản-dị phân-minh để người xem dễ hiểu.

Bộ sách này xếp-đặt gọn-gàng, mỗi truyện in riêng một quyển, giấy tốt kiểu đẹp, khuôn-khổ đều nhau, để sau này tiện đóng thành bộ.

Giá sách xin bán cực rẻ, cốt mong truyền-bá được rộng.

Ước-ao hết thầy đồng-nhân trong khắp ba kỳ, vì lòng nghĩa-hiệp, cò-động giúp cho, may ra số người đọc được nhiều mà bộ sách mau được hoàn-toàn in trọn, thì kẻ biên-tập ngày nay cũng được vang-vẻ vô cùng. Ngài nào mua tiếp theo, xin gửi trước cho số bạc một đồng (1\$00). Khi sách in ra sẽ lần lượt gửi ngay lập tức, kỳ cho đến hết số tiền, sẽ báo để các ngài được biết. Buổi đời eo-hẹp, công việc khó-khăn, sách này được nên công, cũng trông ở tấm lòng sùng-bái anh-hùng của các ngài cùng nước. Mấy lời giản-thực, kính cáo chư tôn. Ban biên-tập do ông **Á-Nam Trần-tuấn-Khải** chủ-trương.

XÃ-HỘI TÙNG-SAN

CHƠI NGÔNG NHẤT ĐỜI

TRUYỆN ÔNG

TÚ SUẤT

Ông Tú Suất ở Hà-đông, chơi ngông có tiếng; thiên-hạ đã tặng cho cái huy-hiệu:

Thứ nhất Ba Giai thứ hai Tú Suất.

Động-giang **NGUYỄN-NĂM-THÔNG** soạn

(Đang in, tháng riêng sẽ có)

Đức-Viên **HOÀNG-NGỌC-THU** soạn

GUƠNG-BÁC-ÁI

Tác-giả là một sinh-viên sang du-học tại Pháp; khi trở về có qua Trung-Hoa, tác-giả mới viết quyển « **Guơng Bác-Ái** » nhờ-nhẽ đã thống-thiết, văn-chương lại hùng-hồn; độc-giả thích xem sách quốc-văn, xin chớ bỏ qua quyển G. B. A.

Nam-Ký Thư-Quán xuất-bản.

Sắp in xong catalogue sách-học tú-tài 1930 xin viết thư và gửi cả 5 su tem để gửi cho nhanh chóng.

Mời về
STYLOS FRANÇAIS PLUME 18 CARATS
« GRAND AIGLE »



Bút máy ngòi vàng 18 Carats, có giấy bảo-hành
 15 năm; có đủ các kiểu. Bán tại:

Nhà Đại-Lý
NAM-KÝ THƯ-QUÁN
 17, Boulevard Francis Garnier — Hanoi

TRẦN-TRUNG-VIÊN

soạn

PHONG-TRẦN THẨM-SỬ

2 quyển trọn bộ 0\$65
 Tổng Đại Lý NHẬT-NAM THƯ-QUÁN
 117, Phố Hàng Gai - Hanoi

các báo
 và các nhà
 sành tiểu-thuyết
 đều khen là pho tiểu-
 thuyết làm theo lối trực-tiếp
 rất có giá-trị; hay nhất các tiểu-
 thuyết; có bán khắp các hàng sách.

Sách mới xuất-bản, có bán ở các hiệu sách

VUA ĐI TU

Kiểm-hiệp tiểu-thuyết. Chuyện vui từ đầu đến cuối.

Hai quyển trọn bộ giá bán 0\$40

NÃ PHÁ LUÂN

Tiểu sử một bậc anh-hùng đệ-nhất thế-giới.

Mỗi quyển bán 0\$12

Quyển thứ ba sắp in song.

TÌNH TRUNG MỘNG

Chuyện một cô đầu chung tình với một nhà giáo.

Giá bán 0\$20

MỘT CÁI HẠI TO CHO NÒI GIỐNG

Các anh em chị em đồng-bào ta muốn có lạc-thú trong gia-đình nên đọc. Giá bán 0\$50

SÁCH NAM-KÝ THƯ-QUÁN XUẤT-BẢN

TRUNG-NGOẠI DANH-NHÂN HÀO-KIỆT-SỬ

I Đức-thánh-Gióng. 0\$25

Ngài là bậc đệ-nhất anh-hùng cứu quốc về đời Hùng-vương thứ sáu;

II Lê-nguyên-Hồng lịch-sử

Ông là một bậc đại anh-kiệt Trung-hoa vào hồi thế-kỷ thứ 20. (sắp in xong)

III Nguyễn-Trãi lịch-sử.

Không nói chắc quốc-dân ai cũng nhớ công-nghiệp cụ Nguyễn-Trãi bình giặc Ngô (đang in)

IV Lịch-sử vua Minh-Trị Nhật-bản

Vì đâu nước Nhật giàu-thịnh ? cuộc văn-minh bằng các nước Âu-châu ? Xin xem quyển lịch-sử vua Minh-Trị sẽ rõ. Bộ sách này do ban biên-tập Xã-hội Tùng-san soạn.

Ông Á-nam Trần-tuấn-Khải chủ-trương.

SÁCH BỘ VĂN-HỌC

Văn-đàn Bảo-giám I . . 0\$70

Văn-đàn Bảo-giám II . . 0.50

Văn-đàn Bảo-giám III. . 0.45

TRAN-TRUNG-VIÊN sao-lục.

Là tập văn thơ cổ của các bậc danh-nho từ đời Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn, có tựa ông Dương-bá-Trạc.

Ngụ-ngôn Tập-đọc. Á-nam soạn.

Toàn là các bài ngụ-ngôn khuyên đời răn đời, có thơ kết luận. giá 0,30

Học quốc-ngữ Bùi-miễn-Quán soạn.

In chữ to, giấy tốt, có 16 bài học thuộc lòng; giá. . . 0,05

Le français par vous-même (Pháp-học tự-giáo). . . 0.30

SÁCH-BỘ XÃ-HỘI

Tân-nữ Học-sinh Song-động dịch; 2 quyển. . . . 0.50

Trung-quốc Nữ-lưu. (Đang in)

Gương bác-ái Đức-Viên soạn.

SÁCH-BỘ GIẢI-TRÍ

Nhật-Ký sợ-vợ. Hoạt-kê tiểu-thuyết.

Có bài tựa của ông Phạm-Quỳnh. giá 0.50

Đại-Minh kỳ-hiệp. . . 0,90

Sách chơi-xuân kỷ-tỵ. . 0.20

Sách chơi-xuân canh-ngọ. 0.20

Hát-nhà-Quê Á-Nam . . 0.10

Mua cười. (Hài-văn) . . 0.20

Nhất-vợ nhì-giời. Nguyễn-năm-Thông dịch. Lịch-sử tiểu-thuyết, truyện một người đàn-bà làm cho nước mất nhà tan.

Các sách kể trên, mua buôn 20 quyển thêm một quyển (20 + 1) huê-hồng 20%

Mandat đề cho

Nam-Ký Thư-Quán

17, B^d Francis Garnier Hanoi

TRUNG NGOẠI DANH-NHÂN HÀO-KIỆT SỬ

Lịch-Sử

P.K.B.



LÊ-NGUYỄN-HỒNG

洪元黎

Ông là một bậc đại anh-kiệt Trung-Hoa, đồng thời ông Tên-Văn đánh đổ nhà Mãn-Thanh lập nên Trung-Hoa dân-quốc.

Độc-giả thích xem thời-sự Trung-Hoa, hẳn ai cũng muốn biết rõ lịch-sử cá-nhân, sau khi xem xong quyển lịch-sử ông Lê-nguyên-Hồng không những phục ông là một bậc đại anh-hùng Trung-Hoa, mà lại tên-ngưỡng ông là bậc vĩ-nhân thế kỷ thứ 20 này.

(Đang in, tháng riêng canh-ngọ sẽ có)

NAM-KÝ THƯ-QUÁN

xuất-bản

IMPRIMERIE TRINH-VAN-BICH — HANOI